

Phụ lục 01: Tổng hợp diện tích, đối tượng, kinh phí đề nghị hỗ trợ các loại cây trồng bị thiệt hại do thiên tai năm 2025 gây ra
(Kèm theo Thông báo số 108/TB-UBND ngày 18/06/2026 của UBND xã Sơn Giang)

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
		(tr.đ)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(tr.đ)		
	Thôn 1	144,170	0,000	0,100	4,262	0,000	2,989	1,926	0,000	0,000	63,943	
1	Lê Trường Giang	0,50			0,033			0,000			0,330	
2	Lê Viết Cường	1,16			0,033		0,025	0,016			0,503	
3	Nguyễn Thanh Lê	1,95			0,050		0,045	0,030			0,815	
4	Đào Xuân Quảng	2,76			0,100		0,048	0,030			1,330	
5	Nguyễn Du	0,77			0,051			0,000			0,510	
6	Lê Văn Đồng	0,75			0,050			0,000			0,500	
7	Lê Hoài Nhơn	0,89			0,059			0,000			0,590	
8	Phan Quốc Trung	0,75			0,050			0,000			0,500	
9	Đào Viết Châu	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
10	Phạm Thị Xuân	2,39			0,075		0,038	0,050			1,090	
11	Lê Ngọc Hoàng	0,98			0,065			0,000			0,650	
12	Nguyễn Thị Phúc	2,46			0,060		0,060	0,036			1,008	
13	Dương Văn Phụng	0,75			0,050			0,000			0,500	
14	Dương Tiểu Thuyết	0,75			0,050			0,000			0,500	
15	Lê Văn Phúc	1,05			0,070			0,000			0,700	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
16	Phạm Công Ngự	1,90			0,060		0,038	0,024			0,862	
17	Nguyễn Thị Thuận	0,90			0,060			0,000			0,600	
18	Cao Văn Minh	1,85			0,070		0,030	0,020			0,910	
19	Trần Quốc Toàn	3,44			0,149		0,045	0,030			1,805	
20	Trần Văn Chiến	2,95			0,130		0,038	0,024			1,562	
21	Trần Văn Bằng	1,50			0,100			0,000			1,000	
22	Trần Huyền	3,11			0,075		0,075	0,048			1,269	
23	Nguyễn Quang Vinh	1,65			0,030		0,045	0,030			0,615	
24	Phạm Ngọc Quyết	2,73			0,050		0,075	0,048			1,019	
25	Trần Thị Hóa	1,60					0,060	0,040			0,420	
26	Trần Phi Hùng	1,00					0,038	0,024			0,262	
27	Nguyễn Văn Khanh	1,50					0,057	0,036			0,393	
28	Hà Thị Anh	0,34					0,013	0,008			0,089	
29	Nguyễn Văn Hà	1,98					0,075	0,048			0,519	
30	Nguyễn Quang Thắng	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
31	Nguyễn Văn Hiệp	1,80		0,05			0,045	0,030			0,615	
32	Trần Thị Hòa	1,60		0,05			0,038	0,024			0,562	
33	Trần Đức Thịnh	1,50			0,033		0,038	0,024			0,592	
34	Phạm Công Thê	1,00					0,038	0,024			0,262	
35	Phan Văn Minh	1,00					0,038	0,024			0,262	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
36	Nguyễn Văn Hà	2,75			0,050		0,076	0,048			1,024	
37	Trần Phi Hải	1,60			0,040		0,038	0,024			0,662	
38	Lê Văn Thanh	0,75			0,050			0,000			0,500	
39	Nguyễn Trung Ứng	1,46					0,056	0,034			0,382	
40	Trần Huy Hồng	1,35			0,090			0,000			0,900	
41	Nguyễn Ngọc Hạnh	1,00					0,038	0,024			0,262	
42	Cao Văn Bình	2,25			0,050		0,057	0,036			0,893	
43	Nguyễn Bình Minh	1,90			0,060		0,038	0,024			0,862	
44	Dương Văn Dũng	0,75			0,050			0,000			0,500	
45	Đào Viết Thìn	1,60			0,040		0,038	0,024			0,662	
46	Phạm Công Tuệ	1,41			0,050		0,025	0,016			0,673	
47	Nguyễn Văn Cường	2,10			0,040		0,057	0,036			0,793	
48	Nguyễn Thị Xuân (Hồng)	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
49	Lê Anh Đề	1,35			0,050		0,023	0,014			0,657	
50	Đào Thị Thảo	1,20					0,045	0,030			0,315	
51	Nguyễn Quốc Dũng	1,45			0,030		0,038	0,024			0,562	
52	Lê Văn Luận	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
53	Trần Thị Việt	1,50					0,056	0,038			0,394	
54	Nguyễn Thị Hoa	1,41			0,050		0,025	0,016			0,673	
55	Trần Thị Thanh (Quý)	1,00					0,038	0,024			0,262	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
56	Lê Trung Sơn	0,75			0,050			0,000			0,500	
57	Phạm Công Toàn	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
58	Nguyễn Văn Thuyết	1,50			0,100			0,000			1,000	
59	Phạm Công Anh	2,81			0,054		0,076	0,048			1,064	
60	Nguyễn Văn Huân	2,50			0,100		0,038	0,024			1,262	
61	Đào Văn Minh	2,14			0,056		0,050	0,030			0,900	
62	Nguyễn Út Thêm	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
63	Nguyễn Thị Vinh	1,60			0,040		0,038	0,024			0,662	
64	Nguyễn Đức Thuận	3,38			0,025		0,110	0,080			1,040	
65	Đoàn Thị Minh	1,70			0,033		0,045	0,030			0,645	
66	Nguyễn Văn Viên	1,08			0,033		0,022	0,014			0,482	
67	Lê Xuân Hành	0,50			0,033			0,000			0,330	
68	Nguyễn Văn Thanh	1,75			0,050		0,038	0,024			0,762	
69	Nguyễn Thị Phước	1,13			0,075			0,000			0,750	
70	Phạm Thị Minh	0,60			0,040			0,000			0,400	
71	Trần Thị Chinh	1,30					0,049	0,032			0,341	
72	Nguyễn Quý	3,55			0,170		0,038	0,024			1,962	
73	Phạm Khắc Cường	2,15			0,050		0,063	0,014			0,857	
74	Ngô Đăng Hòa	2,25			0,050		0,057	0,036			0,893	
75	Nguyễn Hường	0,98			0,065			0,000			0,650	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
76	Nguyễn Văn Bình	4,85			0,110		0,120	0,080			1,940	
77	Trần Văn Hiền	5,70			0,180		0,110	0,080			2,590	
78	Bùi Công Ngự	3,00			0,100		0,057	0,036			1,393	
79	Trần Miên	4,45			0,070		0,130	0,080			1,590	
80	Nguyễn Thị Thúc	1,79			0,075		0,025	0,016			0,923	
81	Nguyễn Văn Hoàng	2,33			0,075		0,045	0,030			1,065	
82	Lê Văn Tường	1,13			0,075						0,750	
83	Lê Thị Thường	0,75			0,05						0,500	
Thôn 2		177,909	-	-	-	4,682	1,592	-	-	0,280	80,295	-
1	Phạm Văn Thê	0,84				0,028					0,42	
2	Nguyễn Tiến Chung	1,50				0,050					0,75	
3	Nguyễn Minh Sơn	1,59				0,053					0,80	
4	Lê Bảo Lộc	1,50				0,050					0,75	
5	Nguyễn Thị Minh	0,75				0,025					0,38	
6	Đinh Xuân Hải	0,99				0,033					0,50	
7	Hồ Phi Na	2,90				0,030				0,1	1,20	
8	Hoàng Thập	1,50				0,050					0,75	
9	Hoàng Khắc Tịnh	1,59				0,053					0,80	
10	Đặng Văn Long	1,50				0,050					0,75	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (giao đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (giao đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
11	Nguyễn Văn Chín	1,20				0,040					0,60	
12	Bùi Thị Trang	0,90				0,030					0,45	
13	Hoàng Xuân Bình	1,00				-				0,05	0,38	
14	Phạm Văn Nhung	1,35				0,045					0,68	
15	Nguyễn Đức Lệ	1,50				0,050					0,75	
16	Thái Thị Kiều	0,57				0,019					0,29	
17	Hoàng Thị Ái	0,60				0,020					0,30	
18	Nguyễn Hải	0,78				0,026					0,39	
19	Hà Huy Hà	1,59				0,053					0,80	
20	Nguyễn Thị Thủy (Duy)	0,78				0,026					0,39	
21	Lê Văn Nam	2,25				0,075					1,13	
22	Hoàng Văn Trúc	0,66				0,022					0,33	
23	Nguyễn Thị Hà	1,90				0,050	0,020				0,85	
24	Đậu Quang Luân	2,25				0,075					1,13	
25	Phan Văn Thuần	0,99				0,033					0,50	
26	Phạm Chí Dương	2,78				0,026	0,100				0,89	
27	Vũ Thị Lan	0,99				0,033					0,50	
28	Đậu Quang Loan	1,50				0,050					0,75	
29	Dương Văn Niêm	0,60				0,020					0,30	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
30	Nguyễn Văn Biên	0,75				0,025					0,38	
31	Nguyễn Văn Thuận	0,60				0,020					0,30	
32	Nguyễn Huy Hân	1,05				0,035					0,53	
33	Phạm Khánh Toàn	0,63				0,021					0,32	
34	Nguyễn Thị Xanh	2,40				0,080					1,20	
35	Thái Bình Dương	0,60				0,020					0,30	
36	Lê Anh Tuấn (Hội)	2,72				0,024	0,100				0,86	
37	Phạm Thị Nuôi	0,63				0,021					0,32	
38	Nguyễn Văn Vỹ	0,66				0,022					0,33	
39	Võ Thị Hoa	0,60				0,020					0,30	
40	Lê Chí Lân	0,99				0,033					0,50	
41	Phạm Thị Hà	0,48				0,016					0,24	
42	Nguyễn Hồng Phong	2,50				0,050	0,050				1,00	
43	Lê Quốc Tuấn	0,60				0,020					0,30	
44	Phan Quốc Trung	0,99				0,033					0,50	
45	Lê Xuân Phong	0,63				0,021					0,32	
46	Phan Văn Trí	2,25				0,075					1,13	
47	Phùng Lộc	1,35				0,045					0,68	
48	Nguyễn Văn Dũng	2,30				0,050	0,040				0,95	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
49	Phạm Thị Hoa	2,25				0,075					1,13	
50	Hoàng Quốc Tuấn	1,50				0,050					0,75	
51	Hoàng Ngọc Kính	1,50				0,05					0,75	
52	Nguyễn Văn Trinh	1,50				0,05					0,75	
53	Nguyễn Văn Luyện	2,25				0,08					1,13	
54	Nguyễn Văn Thân	3,50				0,05	0,10				1,25	
55	Hoàng Thiên Lý	1,41				0,05					0,71	
56	Trịnh Xuân Hai	0,75				0,03					0,38	
57	Hoàng Thái Hồng	2,44				0,03	0,08				0,81	
58	Nguyễn Văn Thuần	1,50				0,05					0,75	
60	Hoàng Đình Châu	1,50				0,05					0,75	
61	Nguyễn Gia Long	2,80				0,06	0,05				1,15	
62	Nguyễn Văn Vy	1,50				0,05					0,75	
63	Nguyễn Văn Chín	0,90				0,03					0,45	
64	Phạm Thị Hà	1,96				0,01	0,08				0,58	
65	Hà Huy Đức	4,00				0,10	0,05				1,75	
66	Lê Văn Đề	0,99				0,03					0,50	
67	Bùi Thanh Lâm	1,50				0,05					0,75	
68	Phạm Văn Thê	0,78				0,03					0,39	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (giao đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (giao đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
69	Nguyễn Thị Hồng Lan	3,00				0,10					1,50	
70	Hoàng Văn Luân	1,50				0,05					0,75	
71	Nguyễn Văn Biên	0,75				0,03					0,38	
72	Đinh Xuân Hải	0,72				0,02					0,36	
73	Bùi Hữu Lạc	2,55				0,03	0,09				0,83	
74	Lê Văn Năm	3,10				0,05	0,08				1,15	
75	Trần Văn Chung	3,40				0,08	0,05				1,45	
76	Dương Đình Hùng	0,99				0,03					0,50	
77	Đinh Quốc Sử	2,50				0,05	0,05				1,00	
78	Hoàng Văn Xin	1,98				0,07					0,99	
79	Trần Hải Đường	0,99				0,03					0,50	
80	Hoàng Thị Ái	0,63				0,02					0,32	
81	Trương Hồng Phi	0,75				0,03					0,38	
82	Thái Bình Dương	0,69				0,02					0,35	
83	Phan Xuân Dung	0,54				0,02					0,27	
84	Phan Quốc Trung	0,30				0,01					0,15	
85	Võ Văn Hùng	0,90				0,03					0,45	
86	Trương Quốc Hoàng	0,60				0,02					0,30	
87	Nguyễn Huy Huân	0,60				0,02					0,30	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
88	Nguyễn Văn Khanh	2,55				0,03	0,09				0,83	
89	Lê Anh Tuấn (thôn 1)	1,50				0,05					0,75	
90	Nguyễn Ngọc Hải	3,40				0,08	0,05				1,45	
91	Hồ Phi Nan	0,75				0,03					0,38	
92	Phan Văn Thuần	2,40				0,08					1,20	
93	Phạm Khánh Toàn	0,60				0,02					0,30	
94	Nguyễn Quốc Đình	0,75				0,03					0,38	
95	Nguyễn Quốc Khanh	4,70				0,09	0,10				1,85	
96	Phan Văn Thắng	0,75				0,03					0,38	
97	Nguyễn Đức Nhân	2,61				0,05	0,06				1,01	
98	Nguyễn Văn Vỹ	0,75				0,03					0,38	
99	Lê Xuân Đoài	0,90				0,03					0,45	
100	Hoàng Văn Hiệp	1,80				0,02	0,06				0,60	
101	Phạm Văn Nhung	0,45				0,02					0,23	
102	Trần Văn Hoàng	0,78				0,03					0,39	
103	Lê Bảo Lộc	0,84				0,03					0,42	
104	Phạm Văn Trâm	0,99				0,03					0,50	
105	Đậu Quang Loan	1,20				0,04					0,60	
106	Hoàng Văn Hà	3,10				0,07	0,05				1,30	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
107	Phạm Văn Trí	1,50				0,05					0,75	
108	Hoàng Trúc	1,50				0,03	0,03				0,60	
109	Nguyễn Thị Hà	0,75				0,03					0,38	
110	Hoàng Văn Anh	0,75				0,03					0,38	
111	Bùi Thị Lan	0,66					0,033				0,17	
112	Nguyễn Bảo Trung	1,00					0,05				0,25	
113	Lê Thị Đề	1,60					0,08				0,40	
114	Lê Thị An	0,92					0,046				0,23	
115	Nguyễn Thị Hiệp	1,30				0,03				0,02	0,60	
116	Nguyễn Văn Mùi	1,10				0,03				0,01	0,53	
117	Cao Văn Tiến	1,20				0,03				0,015	0,56	
118	Nguyễn Văn Hoan	1,19				0,033				0,01	0,57	
119	Lê Thái Yên	1,10				0,03				0,01	0,53	
120	Nguyễn Văn Đức	1,30				0,03				0,02	0,60	
121	Nguyễn Giáp Hạnh	1,25				0,035				0,01	0,60	
122	Lê Quốc Hưng	1,25				0,035				0,01	0,60	
123	Lê Anh Nhật	1,20				0,03				0,015	0,56	
124	Hoàng Đình Báo	1,16				0,032				0,01	0,56	
125	Đình Quốc Lĩnh	1,06				0,035					0,53	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
126	Trương Thế Anh	0,90				0,03					0,45	
127	Trần Xuân Trí	0,90				0,03					0,45	
128	Dương Đình Sự	0,90				0,03					0,45	
	Thôn 3	163,949	0,000	0,431	2,445	0,188	5,823	0,000	0,000	0,000	58,972	
1	Phan Đức Tình	1,20					0,06				0,300	
2	Trần Xuân Thái	1,50			0,033		0,05				0,580	
3	Hoàng Minh Hoàng	0,75			0,050		0,00				0,500	
4	Bùi Văn An	2,90				0,03	0,10				0,950	
5	Phan Văn Liên	1,12		0,010			0,05				0,310	
6	Phan Văn Cần	1,28					0,06				0,320	
7	Trần Văn Bình	2,83			0,055		0,10				1,050	
8	Trần Xuân An	5,50			0,100		0,20				2,000	
9	Trần Quốc Toàn	1,75			0,050		0,05				0,750	
10	Phan Thị Hoàn	1,00					0,05				0,250	
11	Bùi Hữu Nam	4,10		0,050	0,100		0,10				1,800	
12	Ngô Thái Mai	2,20		0,050			0,08				0,700	
13	Dương Bá Trường	3,55		0,050	0,130		0,05				1,850	
14	Nguyễn Văn Hạnh	4,23			0,015		0,20				1,150	
15	Nguyễn Thị Ánh	3,20				0,04	0,10				1,100	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
16	Bùi Hà	2,30			0,020		0,10				0,700	
17	Nguyễn Văn Đồng	1,20			0,080		0,00				0,800	
18	Bùi Khánh Hiền	2,83			0,055		0,10				1,050	
19	Ngô Liên	0,75			0,050		0,00				0,500	
20	Đình Nho Tuấn	2,75			0,050		0,10				1,000	
21	Trần Học	4,43			0,055		0,18				1,450	
22	Phạm Thị Soa	2,42			0,028		0,10				0,780	
23	Nghiêm Văn Anh	1,08			0,028		0,03				0,445	
24	Bùi Viết Hùng	2,16			0,033		0,08				0,745	
25	Võ Mạnh Hùng	2,75			0,050		0,10				1,000	
26	Võ Thị Huyền	1,52		0,043	0,000		0,05				0,508	
27	Phạm Quốc Khanh	4,05			0,070		0,15				1,450	
28	Trần Đình An	2,75			0,050		0,10				1,000	
29	Nguyễn Văn Hưởng	3,00			0,100		0,08				1,375	
30	Bùi Hữu Bình	1,16			0,033		0,03				0,495	
31	Hoàng Thị Tiến	0,60			0,000		0,03				0,150	
32	Bùi Thị Nhơn	3,16			0,077		0,10				1,270	
33	Phan Hùng Cường	0,60					0,03				0,150	
34	Nguyễn Trường	4,53			0,035		0,20				1,350	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
35	Phùng Ngụ	1,50			0,033		0,05				0,580	
36	Phạm Tuấn	3,42			0,028		0,15				1,030	
37	Phan Quốc Khánh	3,02			0,028		0,13				0,930	
38	Phùng Quốc Tuy	0,34		0,028			0,00				0,168	
39	Phạm Thị Hạnh	6,15			0,050		0,27				1,850	
40	Nguyễn Xuân Sơn	1,10			0,033		0,03				0,480	
41	Nguyễn Quang Trung	1,36			0,033		0,04				0,545	
42	Trương Thị Chín	1,45			0,030		0,05				0,550	
43	Trần Thị Hường	2,08			0,032		0,08				0,720	
44	Võ Thị Hóa	1,50			0,033		0,05				0,580	
45	Bùi Phi Hùng	1,42			0,028		0,05				0,530	
46	Nguyễn Văn Khản	3,92					0,20				0,979	
47	Dương Bá Dục	8,00					0,40				2,000	
48	Nguyễn Văn Tuyển	0,67					0,03				0,167	
49	Nguyễn Văn Hồng	3,62		0,035			0,16				1,010	
50	Tô Thị Hoài	1,50			0,100		0,00				1,000	
51	Phạm Xuân Tiến	4,28			0,085		0,15				1,600	
52	Dương Đình Lợi	2,39			0,055		0,08				0,940	
53	Phạm Văn Huân	3,15			0,050		0,12				1,100	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
54	Phạm Văn Toàn	2,75			0,050		0,10				1,000	
55	Trần Cao Huân	2,25			0,083		0,05				1,080	
56	Bùi Hùng	5,05			0,130		0,16				2,075	
57	Bùi Hợi	2,10			0,033		0,08				0,730	
58	Nguyễn Quang Hòa	2,20					0,11				0,550	
59	Hà Văn Ca	3,85			0,083		0,13				1,480	
60	Phạm Thị Thức	2,42			0,028		0,10				0,780	
61	Phạm Đình Trọng	2,62		0,035			0,11				0,760	
62	Phạm Thị Thanh	1,42			0,028		0,05				0,530	
63	Lê Văn Anh	0,90				0,030					0,450	
64	Nguyễn Văn Hải	0,84				0,028					0,420	
65	Bùi Thị Minh	1,50				0,050					0,750	
66	Phạm Toàn	0,36		0,030							0,180	
67	Trần Thị Hằng	2,58			0,045	0,010	0,08				1,000	
68	Nguyễn Khánh Định	0,36		0,030							0,180	
69	Chu Trường	0,84		0,070							0,420	
	Thôn 4	55,85	0,00	0,00	1,05	0,10	2,12	0,00	0,00	0,00	22,615	
1	Đình Nho Sơn	2,68			0,10		0,045				1,225	
2	Phan Trọng Luân	0,60					0,04				0,200	
3	Nguyễn Văn Diễm	0,68					0,045				0,225	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
4	Nguyễn Văn Quốc	0,53					0,035				0,175	
5	Nguyễn Văn Quang	0,45					0,03				0,150	
6	Nguyễn Trương Phi	0,68					0,045				0,225	
7	Trần Thị Hoàn	0,53					0,035				0,175	
8	Nguyễn Văn Truyền	0,45					0,03				0,150	
9	Trần Thị Loan	0,53					0,035				0,175	
10	Nguyễn Văn Nhuận	0,53					0,035				0,175	
11	Nguyễn Hồng Hà	0,53					0,035				0,175	
12	Phan Thị Vân	0,60					0,040				0,200	
13	Phạm Văn Luật	1,68			0,05		0,045				0,725	
14	Phạm Văn Luân	0,60					0,040				0,200	
15	Trần Văn Sơn	0,53					0,035				0,175	
16	Hoàng Văn Dương	1,53			0,05		0,035				0,675	
17	Phan Xuân Lương	0,60					0,04				0,200	
18	Nguyễn Văn Kính	1,53			0,05		0,035				0,675	
19	Nguyễn Văn Thảo	0,53					0,035				0,175	
20	Nguyễn Văn Lân	1,60			0,05		0,04				0,700	
21	Phan Văn Đề	1,68			0,05		0,045				0,725	
22	Phạm Thị Vân	0,53					0,035				0,175	
23	Phan Văn Chương	3,45			0,15		0,03				1,650	
24	Nguyễn Thị Thạch	0,45					0,03				0,150	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
25	Nguyễn Thị Xuân	1,53			0,05		0,035				0,675	
26	Nguyễn Đức Hạnh	1,60			0,05		0,04				0,700	
27	Nguyễn Văn Thuần	0,53					0,035				0,175	
28	Phạm Thị Thành	0,45					0,03				0,150	
29	Bùi Thị Nghĩa	0,60					0,04				0,200	
30	Phan Dũng	0,60					0,04				0,200	
31	Phan Thị Châu	0,60					0,04				0,200	
32	Nguyễn Văn Châu	0,60					0,04				0,200	
33	Nguyễn Văn Phúc	0,45					0,03				0,150	
34	Nguyễn Văn Hạnh	1,53			0,05		0,035				0,675	
35	Nguyễn Văn Sỹ	0,53					0,035				0,175	
36	Nguyễn Đình Huy	0,53					0,035				0,175	
37	Trần Thị Xoan	0,53					0,035				0,175	
38	Phan Văn Thương	0,50					0,033				0,165	
39	Phạm Thị Hường	0,60					0,04				0,200	
40	Nguyễn Xuân Thủy	0,45					0,03				0,150	
41	Nguyễn Văn Khản	0,60					0,04				0,200	
42	Nguyễn Mạnh Hùng	0,53					0,035				0,175	
43	Nguyễn Văn Bằng	0,45					0,03				0,150	
44	Nguyễn Thị Vịnh	0,53					0,035				0,175	
45	Nguyễn Văn Hải	0,53					0,035				0,175	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
46	Phan Văn Tạo	1,60			0,05		0,04				0,700	
47	Nguyễn Văn Hường	1,53			0,05		0,035				0,675	
48	Nguyễn Văn Hiệp	0,45					0,03				0,150	
49	Nguyễn Thị Hiếu	0,60					0,04				0,200	
50	Nguyễn Thị Hoa	0,60					0,04				0,200	
51	Nguyễn Đình Sơn	0,60					0,04				0,200	
52	Phạm Thị Hương	0,60					0,04				0,200	
53	Tô Thị Bình	1,68			0,05		0,045				0,725	
54	Bùi Sỹ Hào	0,38					0,025				0,125	
55	Nguyễn Thị Dung	0,53					0,035				0,175	
56	Trần Thị Giáo	0,45					0,03				0,150	
57	Phan Xuân Khanh	1,53			0,05		0,035				0,675	
58	Phan Văn Sy	0,68					0,045				0,225	
59	Cao Văn Nghiêm	3,00				0,1					1,50	
60	Phan Văn Lương	3,00			0,150						1,50	
61	Thái Thị Kiều	1,00			0,050						0,50	
Thôn 5		187,079	2,477	-	1,220	2,946	-	-	-	-	81,157	
1	Nguyễn Lương Bằng	5,19			0,127	0,09					2,59	
2	Nguyễn Thị Nhân	1,19			0,059	-					0,59	
3	Nguyễn Mạnh Đức	1,55			-	0,05					0,78	
4	Nguyễn Thị Hòe	1,67			0,084	-					0,84	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
5	Phan Hữu Long	0,83			0,042	-					0,42	
6	Nguyễn Văn Sáng	0,67			0,034	-					0,34	
7	Nguyễn Văn Từ	1,10			0,055	-					0,55	
8	Trương Quốc Ái	0,91			-	0,03					0,45	
9	Bùi Thị Nhiên	0,93			-	0,03					0,47	
10	Phạm Văn Phú	0,51			-	0,02					0,26	
11	Nguyễn Văn Diễm	1,47			0,074	-					0,74	
12	Lê Thị Thảo	1,18			0,059	-					0,59	
13	Trần Thảo	0,95			0,047	-					0,47	
14	Phan Văn Thắng	1,20			-	0,04					0,60	
15	Phan Văn Huyền	1,12			0,056	-					0,56	
16	Phạm Thị Huê	1,60			0,080	-					0,80	
17	Hoàng Thị Tuyết	3,35			0,167	-					1,67	
18	Nguyễn Thanh Cao	2,50			0,065	0,040					1,250	
19	Nguyễn Văn Giáp	2,52			0,061	0,0437					1,261	
20	Lê Giáp	0,61			0,031	-					0,31	
21	Phạm Thị Mai	1,21			-	0,04					0,60	
22	Bùi Quốc Phong	1,41			-	0,05					0,70	
23	Nguyễn Xuân Trường	0,72			-	0,02					0,36	
24	Nguyễn Đình Việt	1,80			-	0,06					0,90	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
25	Nguyễn Văn Lục	0,46			-	0,02					0,23	
26	Nguyễn Thái Học	2,32			0,116	-					1,16	
27	Nguyễn Thị Hoàng	2,66			-	0,09					1,33	
28	Nguyễn Văn Quyết	0,89			-	0,03					0,45	
29	Nguyễn Xuân Thái	0,58			-	0,02					0,29	
30	Nguyễn Hữu Cảnh	1,28			-	0,04					0,64	
31	Nguyễn Công Anh	2,40			0,064	0,04					1,20	
32	Hoàng Thị Quý	1,63			-	0,05					0,82	
33	Cao Thị Chín	0,52			-	0,02					0,26	
34	Nguyễn Thị Thư	0,60				0,020					0,30	
35	Phạm Văn Nhận	1,38				0,046					0,69	
36	Nguyễn Thị Hoàn	1,24				0,041					0,62	
37	Nguyễn Văn Mai	0,74				0,025					0,37	
38	Đào Thị Hương	1,05				0,035					0,52	
39	Nguyễn Đình Mai	0,65				0,022					0,32	
40	Nguyễn Văn Quang	1,35				0,045					0,68	
41	Nguyễn Thị Lan	0,90				0,030					0,45	
42	Lê Thị Hóa	1,50				0,050					0,75	
43	Phạm Hồng Quân	0,70				0,023					0,35	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
44	Trần Thị Liên	1,44				0,048					0,72	
45	Nguyễn Văn Lương	1,72				0,057					0,86	
46	Nguyễn Thanh Tịnh	1,70				0,057					0,85	
47	Dương Tòng	2,00				0,067					1,00	
48	Nguyễn Mạnh Tuấn	0,82				0,027					0,41	
49	Nguyễn Thị Hợi	1,13				0,038					0,56	
50	Nguyễn Văn Tiến	0,38				0,013					0,19	
51	Trương Văn Tân	1,23				0,041					0,61	
52	Nguyễn Thanh Bình	1,11				0,037					0,55	
53	Nguyễn Văn Hậu	0,80				0,027					0,40	
54	Nguyễn Thị Hà	0,97				0,032					0,48	
55	Phan Khang	0,52				0,017					0,26	
56	Trần Thành	1,04				0,035					0,52	
57	Nguyễn Văn Hoàng	3,21				0,107					1,61	
58	Võ Văn Đức	3,37				0,112					1,68	
59	Võ Hồng Lam	1,47				0,049					0,73	
60	Nguyễn Văn Tân	0,41				0,014					0,21	
61	Phạm Đình Thuần	1,66				0,055					0,83	
62	Cao Thị Bích	1,46				0,049					0,73	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
63	Nguyễn Thị Danh	0,82				0,027					0,41	
64	Lê Khắc Ninh	0,74				0,025					0,37	
65	Nguyễn Thái	0,58				0,019					0,29	
66	Phan Châu	1,10				0,037					0,55	
67	Hồ Văn Luận	0,54				0,018					0,27	
68	Hoàng Xuân Hào	1,11				0,037					0,55	
69	Nguyễn Văn Thọ	0,61				0,020					0,30	
70	Nguyễn Văn Ánh	0,54				0,018					0,27	
71	Nguyễn Công Trình	0,66				0,022					0,33	
72	Phạm Hồng Tiến	0,90				0,030					0,45	
73	Phan Xuân Trí	0,98				0,033					0,49	
74	Nguyễn Văn Cầu	0,91				0,030					0,45	
75	Hoàng Tiến	1,60				0,053					0,80	
76	Lê Văn Triêm	0,83				0,028					0,41	
77	Phan Thị Phượng	1,05				0,035					0,53	
78	Nguyễn Xuân Dương	1,16				0,039					0,58	
79	Nguyễn Thanh Hải	1,49				0,050					0,74	
80	Phan Thanh Lan	1,05				0,035					0,52	
81	Cao Xuân Thái	1,52				0,051					0,76	

[illegible]

[illegible]

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
120	Trần Văn Tuyển	3,59	0,120				0				1,196	
121	Phan Văn Phụng	2,58	0,086								0,860	
122	Võ Tương	1,50	0,050								0,501	
123	Cao Xuân Thuyết	1,50	0,050								0,500	
Thôn 6		72,360	0,000	0,000	2,888	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	28,880	-
1	NGUYỄN VĂN HIỀN	0,300			0,015						0,15	
2	NGUYỄN HẢI SÂM	1,500			0,062						0,62	
3	THÁI THỊ MINH	0,340			0,017						0,17	
4	NGUYỄN HỮU DUYỆT	0,280			0,014						0,14	
5	NGUYỄN VĂN HOÀI	0,280			0,014						0,14	
6	TRẦN THỊ THU	0,300			0,015						0,15	
7	NGUYỄN VĂN ÁI	0,300			0,014						0,14	
8	PHAN THỊ LINH	0,460			0,023						0,23	
9	TRẦN PHƯỚC	0,400			0,034						0,34	
10	DƯƠNG THỊ THUỜNG	0,200			0,014						0,14	
11	NGUYỄN VĂN MẬU	0,480			0,024						0,24	
12	LƯU THỊ XOAN	0,300			0,014						0,14	
13	DƯƠNG VĂN LUẬN	0,400			0,024						0,24	
14	PHẠM VĂN THẢO	0,280			0,014						0,14	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
15	DƯƠNG VĂN MINH	1,500			0,070						0,70	
16	PHẠM VĂN ĐÀN	0,660			0,033						0,33	
17	HOÀNG QUỐC ANH	0,500			0,034						0,34	
18	NGUYỄN VĂN VINH	0,280			0,014						0,14	
19	NGUYỄN THANH VINH	0,480			0,024						0,24	
20	LÊ THỊ NGUYỆT	0,400			0,024						0,24	
21	NGUYỄN ĐÌNH THANH	0,480			0,024						0,24	
22	NGUYỄN VĂN NHIỆM	0,680			0,034						0,34	
23	DƯƠNG VĂN	0,400			0,024						0,24	
24	HOÀNG VĂN TUẤN	0,480			0,024						0,24	
25	DƯƠNG VĂN LIÊN	0,480			0,024						0,24	
26	NGUYỄN VĂN HÙNG	0,480			0,024						0,24	
27	DƯƠNG TỊNH	1,400			0,060						0,60	
28	NGUYỄN VĂN THUẬT	0,280			0,014						0,14	
29	NGUYỄN VĂN TÌNH	1,400			0,070						0,70	
30	PHAN THỊ NHIỆM	0,300			0,015						0,15	
31	NGUYỄN THỊ THANH	0,400			0,024						0,24	
32	NGUYỄN THỊ LINH	0,480			0,024						0,24	
33	PHAN VĂN THUYỀN	0,480			0,024						0,24	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
34	NGUYỄN QUỐC TÀI	0,680			0,034						0,34	
35	HOÀNG TRUNG ANH	0,400			0,024						0,24	
36	PHAN QUỐC DŨNG	0,480			0,024						0,24	
37	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	0,300			0,015						0,15	
38	LÊ BÁ CHÂU	0,480			0,024						0,24	
39	NGUYỄN VĂN HOẠCH	0,320			0,016						0,16	
40	DƯƠNG THỊ TUYẾN	0,280			0,014						0,14	
41	TRẦN NHƯ HÙNG	0,600			0,024						0,24	
42	HỒ ĐÌNH VIỆT	1,500			0,070						0,70	
43	NGUYỄN THỊ BÌNH	0,300			0,020						0,20	
44	NGUYỄN VĂN NHƯNG	1,400			0,044						0,44	
45	TRẦN XUÂN DIỆU	1,300			0,044						0,44	
46	DƯƠNG VĂN HOÀI	0,680			0,034						0,34	
47	TRẦN VĂN CẢNH	0,700			0,044						0,44	
48	NGUYỄN XUÂN QUAN	0,680			0,034						0,34	
49	PHẠM THỊ ÁI	0,400			0,014						0,14	
50	DƯƠNG VĂN LINH	0,720			0,036						0,36	
51	DƯƠNG QUỐC HÙNG	0,520			0,026						0,26	
52	DƯƠNG THỊ THANH	0,500			0,024						0,24	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
53	HỒ ĐỀ	0,320			0,016						0,16	
54	NGUYỄN THỊ THÀNH	0,520		-	0,026						0,26	
55	PHẠM VĂN SỸ	0,520			0,024						0,24	
56	NGUYỄN ĐÌNH CẦU	1,800			0,064						0,64	
57	TRẦN VĂN TUẤN	0,400			0,025						0,25	
58	NGUYỄN VĂN KÍNH	0,420			0,015						0,15	
59	TRẦN VĂN TOÀN	0,420			0,014						0,14	
60	PHAN THỊ LUẬN	0,300			0,016						0,16	
61	DƯƠNG QUỐC LUẬN	0,420			0,014						0,14	
62	DƯƠNG TRƯỜNG	0,400			0,014						0,14	
63	PHAN VĂN THẢO	0,400			0,014						0,14	
64	DƯƠNG VĂN BÌNH	0,400			0,014						0,14	
65	PHAN HÒA	0,600			0,014						0,14	
66	THÁI VĂN MAI	0,420			0,014						0,14	
67	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	0,420			0,014						0,14	
68	NGUYỄN VĂN HIỂN	0,600			0,014						0,14	
69	PHAN THỊ XOAN	0,200			0,014						0,14	
70	HỒ VĂN QUYẾT	0,500			0,014						0,14	
71	PHAN VĂN NAM	0,600			0,014						0,14	
72	NGUYỄN VĂN HẢI	0,420			0,014						0,14	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
73	HOÀNG THỊ LIÊN	0,420			0,014						0,14	
74	PHAN HỢP	0,420			0,014						0,14	
75	HỒ MẠNH	0,500			0,014						0,14	
76	NGUYỄN THỊ THUỖN	0,420			0,014						0,14	
77	NGUYỄN VĂN THẬN	0,420			0,014						0,14	
78	PHẠM SƠN LĨNH	0,420			0,014						0,14	
79	PHAN VĂN XUÂN	0,420			0,014						0,14	
80	DƯƠNG THỊ THIÊN	0,420			0,014						0,14	
81	PHẠM KHOA	0,420			0,014						0,14	
82	TRẦN ĐÌNH TUẤN	0,420			0,014						0,14	
83	NGUYỄN VĂN HÓA	0,420			0,014						0,14	
84	PHAN VĂN LỆ	0,400			0,014						0,14	
85	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	0,420			0,014						0,14	
86	PHAN VĂN THƯƠNG	0,200			0,014						0,14	
87	PHAN VĂN QUANG	0,420			0,014						0,14	
88	NGUYỄN VĂN HIỀN B	0,400			0,014						0,14	
89	NGUYỄN VĂN HUYỀN	0,400			0,014						0,14	
90	PHẠM THỊ HOA	0,300			0,014						0,14	
91	NGUYỄN VĂN SINH	0,420			0,014						0,14	
92	PHAN THỊ NHÀN	0,420			0,014						0,14	
93	HỒ VĂN CÔNG	0,600			0,015						0,15	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
94	NGUYỄN VĂN THANH	0,200			0,016						0,16	
95	NGUYỄN VĂN THUYẾT	0,200			0,014						0,14	
96	NGUYỄN XUÂN TRƯỚC	0,200			0,014						0,14	
97	HOÀNG VĂN SƠN	0,500			0,014						0,14	
98	HOÀNG VĂN HÀO	0,420			0,014						0,14	
99	NGUYỄN QUỐC MỸ	0,400			0,014						0,14	
100	DƯƠNG CƯỜNG	0,420			0,014						0,14	
101	NGUYỄN VĂN YÊN	0,700			0,014						0,14	
102	HỒ QUỐC HÙNG	0,500			0,014						0,14	
103	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	0,600			0,014						0,14	
104	HỒ TRUNG	0,400			0,014						0,14	
105	HỒ VĂN DUYỆT	0,500			0,014						0,14	
106	PHAN THỊ BÉ	0,200			0,014						0,14	
107	HỒ CHÍ THUYỀN	0,700			0,014						0,14	
108	NGUYỄN THỊ CHÂU	0,420			0,014						0,14	
109	PHAN VĂN HIẾU	0,500			0,014						0,14	
110	CHU HỒNG LÂM	0,400			0,014						0,14	
111	CHU HỒNG CẢNH	0,420			0,014						0,14	
112	CHU HỒNG XUÂN	0,420			0,014						0,14	
113	NGUYỄN THỊ THAO	0,500			0,014						0,14	
114	BÙI LÂM	0,420			0,014						0,14	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
115	HỒ NHÂN	0,600			0,014						0,14	
116	HỒ VĂN GIẢNG	0,420			0,014						0,14	
117	HỒ VĂN SỬU	0,300			0,014						0,14	
118	NGUYỄN XUÂN LINH	0,500			0,014						0,14	
119	TRẦN THỊ LAN	0,420			0,014						0,14	
120	PHAN VĂN HUYỀN	0,300			0,005						0,05	
121	PHAN VĂN HÙNG	0,300			0,005						0,05	
122	HỒ ĐỨC	0,500			0,014						0,14	
123	HỒ THỊ LÀNH	0,300			0,005						0,05	
124	HỒ THỊ HƯỜNG	0,300			0,014						0,14	
125	NGUYỄN VĂN PHUON	0,200			0,014						0,14	
126	NGUYỄN VĂN NHẬT (	0,200			0,005						0,05	
127	NGUYỄN THỊ THÁI	0,300			0,014						0,14	
128	PHAN QUỐC NAM	0,420			0,014						0,14	
129	PHAN ĐÌNH LÂN	0,420			0,014						0,14	
130	PHAN VĂN ĐÀN	0,420			0,014						0,14	
131	TRẦN SƠN	0,600			0,014						0,14	
132	NGUYỄN THỊ LÝ	0,300			0,014						0,14	
133	PHAN VĂN DŨNG	0,420			0,014						0,14	
134	PHAN ĐÌNH PHÙNG	0,300			0,014						0,14	
135	NGUYỄN THỊ LỤC	0,200			0,005						0,05	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
136	PHAN VĂN TOÀN	0,300			0,005						0,05	
137	PHẠM VĂN CẦU	0,420			0,014						0,14	
138	NGUYỄN XUÂN PHÚC	0,300			0,014						0,14	
139	NGUYỄN THỊ DUYÊN	0,420			0,014						0,14	
140	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	0,420			0,014						0,14	
141	PHẠM THỊ ÁI (B)	0,200			0,004						0,04	
142	PHẠM CÔNG BẰNG	0,420			0,014						0,14	
143	PHAN THỊ LIÊN	0,500			0,014						0,14	
144	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	0,200			0,005						0,05	
145	NGUYỄN VĂN TƯƠNG	0,100			0,005						0,05	
146	NGUYỄN VĂN HOÀNG	0,600			0,014						0,14	
147	NGUYỄN THỊ HOA	0,200			0,005						0,05	
148	PHAN VĂN LUẬN	0,700			0,014						0,14	
149	BÙI THỊ LAN	0,300			0,005						0,05	
150	PHAN THỊ SÂM	0,200			0,005						0,05	
151	PHAN VĂN TÝ	0,420			0,014						0,14	
152	PHAN VĂN NHỎ	0,200			0,014						0,14	
153	PHAN VĂN THỨC	0,420			0,015						0,15	
154	NGUYỄN THỊ ĐÀO	0,200			0,014						0,14	
155	NGUYỄN VĂN LUÂN	0,420			0,015						0,15	
156	NGUYỄN ĐÌNH TAM	0,300			0,015						0,15	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
Thôn 7		48,510	0,000	4,851	0,000	0,000	0,645	0,000	0,000	0,000	32,331	
1	Trần Quốc Tuấn	0,530		0,053							0,318	
2	Phạm Sơn Giang	0,500		0,050							0,300	
3	Trần Đức Tùng	0,150		0,015							0,090	
4	Võ Luận	0,330		0,033							0,198	
5	Phạm Bá Tuệ	0,300		0,030							0,180	
6	Phan Hữu Tài	0,530		0,053							0,318	
7	Phan Thị Hường	0,510		0,051							0,306	
8	Võ Sơn Ninh	0,180		0,018							0,108	
9	Phạm Quốc Võ	0,430		0,043							0,258	
10	Phạm Anh Tấn	0,180		0,018							0,108	
11	Phạm Văn Hải	0,720		0,072							0,432	
12	Đinh Văn Chung	0,000		0,000			0,100				0,500	
13	Nguyễn Thương Đạt	0,932		0,093							0,559	
14	Nguyễn Văn Quát	0,500		0,050							0,300	
15	Nguyễn Văn Đào	0,500		0,050							0,300	
16	Trần Đức Thắng	0,800		0,080							0,480	
17	Trần Đình Hiệp	0,650		0,065							0,390	
18	Đinh Văn Thái	0,693		0,069							0,416	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
19	Nguyễn Thái Hiệp	0,165		0,017							0,099	
20	Phạm Hào	1,000		0,100							0,600	
21	Nguyễn Văn Thành	0,820		0,082							0,492	
22	Phạm Quốc Văn	0,330		0,033							0,198	
23	Phan Anh Việt	0,210		0,021							0,126	
24	Phan Quang Hoàng	0,330		0,033							0,198	
25	Đào Xuân Phương	0,732		0,073							0,439	
26	Phan Quốc Dũng	0,500		0,050							0,300	
27	Phan Đình Phùng	0,500		0,050							0,300	
28	Phan Xuân Ước	0,500		0,050							0,300	
29	Phạm Văn Luật	0,429		0,043							0,257	
30	Bùi Trí	0,660		0,066							0,396	
31	Đinh Văn Trì	0,180		0,018							0,108	
32	Nguyễn Thị Lí	0,561		0,056							0,337	
33	Phạm Quốc Sơn	0,500		0,050							0,300	
34	Trần Xuân Hiến	0,450		0,045							0,270	
35	Nguyễn Văn Trường	0,500		0,050							0,300	
36	Đinh Huân	0,660		0,066							0,396	
37	Nguyễn Xuân Hồng	0,333		0,033							0,200	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
38	Nguyễn Thanh Phương	0,740		0,074							0,444	
39	Phạm Công Lý	1,780		0,178							1,068	
40	Dương Quốc Trường	0,760		0,076							0,456	
41	Vũ Thị Hiền	1,100		0,110							0,660	
42	Nguyễn Văn Đức	0,430		0,043							0,258	
43	Nguyễn Văn Minh	0,650		0,065							0,390	
44	Nguyễn Văn Bình	0,500		0,050							0,300	
45	Nguyễn Xuân Hường	0,560		0,056							0,336	
46	Phạm Lam Sương	0,400		0,040							0,240	
47	Nguyễn Văn Quốc	0,390		0,039							0,234	
48	Đào Xuân Linh	0,160		0,016							0,096	
49	Nguyễn Văn Phúc	0,330		0,033							0,198	
50	Phạm Văn Luận	0,390		0,039							0,234	
51	Nguyễn Đức Bưởi	0,320		0,032							0,192	
52	Nguyễn Anh Đức	0,720		0,072							0,432	
53	Phạm Quang Ân	0,270		0,027							0,162	
54	Lê Đức Lợi	0,330		0,033							0,198	
55	Phạm Văn Linh	0,500		0,050			0,033				0,465	
56	Dương Hùng	0,420		0,042							0,252	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
57	Nguyễn Hồng Phúc	0,330		0,033							0,198	
58	Dương Văn Hùng	0,330		0,033							0,198	
59	Dương Đồng	0,896		0,090							0,538	
60	Dương Mạnh Hùng	0,150		0,015							0,090	
61	Phan Văn Hạnh	0,360		0,036							0,216	
62	Phan Thị Hồng	0,390		0,039							0,234	
63	Phan Đình Hân	0,500		0,050							0,300	
64	Dương Thanh Đồng	0,500		0,050							0,300	
65	Dương Nhật Duẩn	0,876		0,088							0,526	
66	Nguyễn Văn Kỳ	0,593		0,059							0,356	
67	Cù Xuân Thiều	0,304		0,030							0,182	
68	Trần Ngọc Quyển	0,289		0,029							0,173	
69	Phạm Thị Lệ	0,347		0,035							0,208	
70	Đinh Thị Địu	0,500		0,050							0,300	
71	Bùi Quốc Dũng	0,500		0,050							0,300	
72	Bùi Hoàng Lợi	0,460		0,046							0,276	
73	Nguyễn Thái Bình	0,396		0,040			0,090				0,688	
74	Võ Đăng Khoa	0,486		0,049			0,018				0,382	
75	Nguyễn Thị Mai	0,338		0,034							0,203	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
76	Bùi Công Nhân	0,665		0,067			0,050				0,649	
77	Trần Xuân Lam	0,797		0,080							0,478	
78	Bùi Công Anh	0,262		0,026							0,157	
79	Bùi Văn Phương	0,330		0,033			0,043				0,413	
80	Nguyễn Thị Nhân	0,360		0,036							0,216	
81	Phan Thị Đài	0,573		0,057			0,036				0,524	
82	Nguyễn Thị Tám	0,300		0,030							0,180	
83	Trần Văn Thọ	0,330		0,033							0,198	
84	Phan Xuân Giáo	0,845		0,085							0,507	
85	Nguyễn Công Trường	0,821		0,082							0,493	
86	Nguyễn Đình Chiến	0,333		0,033			0,050				0,450	
87	Nguyễn Công Sự	0,000		0,000							0,000	
88	Phạm Văn Dũng	0,500		0,050							0,300	
89	Đình Văn Thuận	0,000		0,000			0,067				0,335	
90	Đình Xuân Thịnh	1,400		0,140			0,040				1,040	
91	Nguyễn Văn Dũng	0,180		0,018							0,108	
92	Lê Văn Tam	0,339		0,034			0,100				0,703	
93	Lê Văn Chiến	0,330		0,033							0,198	
94	Lê Văn Minh	0,530		0,053			0,018				0,408	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
				Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		
95	Cao Hiền	0,150		0,015							0,090	
96	Cao Thái	0,090		0,009							0,054	
97	Nguyễn Văn Thắng	0,320		0,032							0,192	
98	Cù Văn Xuân	0,330		0,033							0,198	
99	Nguyễn Thị Hoa	0,333		0,033							0,200	
100	Nguyễn Thị Xinh	0,150		0,015							0,090	
101	Phạm Văn Tuệ	0,252		0,025							0,151	
102	Trần Quốc Lâm	0,900		0,090							0,540	
Thôn 8		23,258	0,000	0,560	0,000	0,000	0,883	0,000	0,000	0,000	7,774	
1	Nguyễn Văn Trung	0,200		0,020	0						0,120	
2	Phạm Văn Sự	0,200		0,020	0						0,120	
3	Nguyễn Thị Mai	0,180		0,018	0						0,108	
4	Trần Văn Kính	0,210		0,021	0						0,126	
5	Nguyễn Đình Hùng	0,100		0,010	0						0,060	
6	Nguyễn Tất Thắng	0,400		0,040	0						0,240	
7	Phạm Thị Thanh	0,270		0,027	0						0,162	
8	Lê Duẩn Mậu	0,180		0,018	0						0,108	
9	Hồ Văn Thái	0,200		0,020	0						0,120	
10	Nguyễn Văn Bình	0,200		0,020	0						0,120	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
11	Nguyễn Trung Thành	0,100		0,010	0						0,060	
12	Hồ Văn Thống	0,250		0,025	0						0,150	
13	Nguyễn Văn Khang	0,250		0,025	0						0,150	
14	Nguyễn Trọng Hùng	0,250		0,025	0						0,150	
15	Trần Đình Phong	0,330		0,033	0						0,198	
16	Nguyễn Thị Mai	0,180		0,018	0						0,108	
17	Võ Văn Dũng	0,268		0,027	0						0,161	
18	Hồ Văn Sơn	0,300		0,030	0						0,180	
19	Trương Quang Chân	0,300		0,030	0						0,180	
20	Nguyễn Văn Khang	0,250		0,025	0						0,150	
21	Hà Thị Thanh	0,180		0,018	0						0,108	
22	Nguyễn Văn Trung	0,500		0,050	0						0,300	
23	Nguyễn Đăng Phú	0,300		0,030	0						0,180	
24	Nguyễn Thị Tuyết	0,600					0,030				0,150	
25	Hồ Vinh	0,600					0,030				0,150	
26	Phan Văn Bình	2,000					0,100				0,500	
27	Hồ Đình Thắm	1,600					0,080				0,400	
28	Trần Văn Lý	1,000					0,050				0,250	
29	Trần Văn Kính	1,000					0,050				0,250	
30	Nguyễn Chí	1,340					0,067				0,335	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
				Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		
31	Nguyễn Văn Thái	0,600					0,030				0,150	
32	Nguyễn Thái Hiệp	1,000					0,050				0,250	
33	Nguyễn Công Bình	1,000					0,050				0,250	
34	Nguyễn Thông Thường	2,720					0,136				0,680	
35	Nguyễn Văn Thái	1,400					0,070				0,350	
36	Trần Văn Cử	1,400					0,070				0,350	
37	Phạm Thái Sơn	1,400					0,070				0,350	
Thôn Lâm Đồng		101,407	0,468	0,075	-	2,635	0,097	-	-	-	45,134	
1	Lê Văn Việt	3,20				0,100					1,50	
2	Hoàng Văn Minh	3,20				0,100					1,50	
3	Nguyễn Tiến Hoàn	3,20				0,100					1,50	
4	Phạm Mạnh Hùng	3,20				0,100					1,50	
5	Nguyễn Thị Hân	1,60				0,050					0,75	
6	Nguyễn Văn Ngự	3,20				0,100					1,50	
7	Phan Văn Sáu	1,78		0,012		0,050					0,82	
8	Lê Văn Tâm	3,20				0,100					1,50	
9	Nguyễn Viết Khanh	3,20				0,100					1,50	
10	Phan Quốc Lập	2,40				0,075					1,13	
11	Phan Đình Giáp	3,20				0,100					1,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
12	Nguyễn Thị Nhung	2,34				0,073					1,10	
13	Nguyễn Đức Tịnh	1,60				0,050					0,75	
14	Nguyễn Ngọc Nam	1,06				0,033					0,50	
15	Lê Văn Lý (Xuân)	3,20				0,100					1,50	
16	Phan Thị Nguyệt	3,20				0,100					1,50	
17	Phan Thị Thân	1,81				0,057					0,85	
18	Lê Hải Dương	0,74				0,023					0,35	
19	Lê Sinh	0,74				0,023					0,35	
20	Lê Xuân Văn	1,60				0,050					0,75	
21	Phan Văn Tuấn	1,60				0,050					0,75	
22	Nguyễn Đình Hạnh	1,60				0,050					0,75	
23	Nguyễn Thị Lành	0,64				0,020					0,30	
24	Trần Đức Quang	1,60				0,050					0,75	
25	Nguyễn Cường Quốc	1,60				0,050					0,75	
26	Phan Đình Vương	2,40				0,075					1,13	
27	Nguyễn Công Sự	5,73	0,03			0,100	0,080				2,21	
28	Trịnh Thị Nga	1,06				0,033					0,50	
29	Lê Dũng	1,06				0,033					0,50	
30	Nguyễn Khánh Toàn	1,06				0,033					0,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
31	Phan Xuân Hà	1,06				0,033					0,50	
32	Nguyễn Hữu Tạo	1,60				0,050					0,75	
33	Nguyễn Thị Thảo	1,06				0,033					0,50	
34	Đào Việt Quang	1,06				0,033					0,50	
35	Trần Đức Hòa	3,90	0,05			0,075					1,63	
36	Trần Đức Thuận	2,95	0,05			0,050					1,20	
37	Phạm Văn Phi	2,34				0,073					1,10	
38	Phạm Hồng	3,20				0,100					1,50	
39	Phạm Mậu	3,20				0,100					1,50	
40	Lê Hồng Phong	1,60				0,05					0,75	
41	Hoàng Thống Thái	3,85	0,075			0,05					1,50	
42	Lê Kỳ	1,59	0,053								0,53	
43	Hồ Thị Hường	1,50	0,050								0,50	
44	Nguyễn Chí Thanh	0,81	0,027								0,27	
45	Phan Tỷ	0,75	0,025								0,25	
46	Đào Ninh	0,82		0,033		0,010					0,35	
47	Trần Văn Tuyên	2,84	0,095								0,95	
48	Phạm Khắc Mậu	0,45		0,030							0,18	
49	Trần Văn Triền	0,85	0,017				0,017				0,26	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
Thôn Lâm Trung		66,894	0,050	0,491	0,375	-	-	-	1,300	1,625	25,885	
1	Nguyễn Xuân Hạ	7,50			0,15				0,10	0,150	3,13	
2	Võ Đình Trọng	8,30			0,13				0,12	0,200	3,35	
3	Nguyễn Xuân Kế	5,20			0,05				0,08	0,150	2,03	
4	Võ Thanh Tuấn	4,25			0,05				0,05	0,125	1,69	
5	Nguyễn Hữu Chiên	4,95							0,13	0,150	1,78	
6	Nguyễn Trương Hà	3,44		0,08					0,10	0,050	1,34	
7	Phan Văn Phụng	4,25							0,15	0,100	1,50	
8	Phạm Văn Huynh	4,25							0,15	0,100	1,50	
9	Nguyễn Thị Liên	0,45							0,03	-	0,15	
10	Nguyễn Châu Tuấn	0,45							0,03	-	0,15	
11	Nguyễn Công Tuấn	2,20							0,08	0,050	0,78	
12	Bùi Xuân Dân	4,50							0,10	0,150	1,63	
13	Bùi Trọng Thanh	6,75							0,05	0,300	2,50	
14	Phan Thị Thanh	2,68		0,02					0,03	0,100	1,02	
15	Nguyễn Trọng Hoàn	0,75							0,05	-	0,25	
16	Phạm Bình	0,75							0,05	-	0,25	
17	Võ Quý Tuệ	1,50	0,05								0,50	
18	Nguyễn Đình Nhân	0,84		0,070							0,42	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
19	Trần Thị Giang	0,94		0,078							0,47	
20	Đặng Thị Thuyết	0,23		0,020							0,12	
21	Nguyễn Thị Huế	0,23		0,020							0,12	
22	Phan Văn Việt	0,33		0,027							0,16	
23	Phạm Quốc Việt	0,47		0,039							0,23	
24	Phan Xứng	0,19		0,016							0,09	
25	Nguyễn Ngọc Tuyền	0,19		0,016							0,09	
26	Nguyễn Thị Mạo	0,37		0,031							0,19	
27	Phan Văn Châu	0,94		0,078							0,47	
Thôn Lâm Bình		27,200	-	0,333	1,950	-	-	-	-	-	21,498	
1	Trần Văn Thành	0,80			0,05						0,50	
2	Trần Đức Hiên	0,80			0,05						0,50	
3	Trần Văn Hán	1,20			0,10						1,00	
4	Phạm Văn Đồng	1,20			0,10						1,00	
5	Phạm Nhật	0,80			0,05						0,50	
6	Nguyễn Thị Nguyệt	1,20			0,10						1,00	
7	Nguyễn Văn Hường	0,80			0,05						0,50	
8	Nguyễn Thị Tuyết	1,20			0,10						1,00	
9	Đặng Tuấn Tú	1,20		0,019	0,10						1,11	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
10	Trần Quốc Hợp	0,80			0,05						0,50	
11	Phạm Quốc Giáo	0,80			0,05						0,50	
12	Phạm Hồng Nhạc	0,80			0,05						0,50	
13	Phạm Ngọc Lý	0,80		0,035	0,05						0,71	
14	Phạm Thị Xinh	1,20			0,10						1,00	
15	Nguyễn Thị Lan	0,70			0,05						0,50	
16	Phạm Quốc Trường	1,30			0,10						1,00	
17	Phạm Ngọc Luận	1,20			0,10						1,00	
18	Nguyễn Hường	0,80			0,05						0,50	
19	Phan Hùng Phước	0,80			0,05						0,50	
20	Phạm Đình Ái	1,20			0,10						1,00	
21	Nguyễn Mân	0,80			0,05						0,50	
22	Nguyễn Văn Quyên	0,80			0,05						0,50	
23	Phan Thị Thanh	0,80			0,05						0,50	
24	Trần Văn Ái	1,20			0,10						1,00	
25	Phạm Văn Hoạch	0,80			0,05						0,50	
26	Nguyễn An	0,80			0,05						0,50	
27	Nguyễn Văn Sơn	0,80			0,05						0,50	
28	Trần Văn Nam	0,80		0,03	0,05						0,68	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
29	Đặng Thái Hiệp	0,80			0,05						0,50	
30	Nguyễn Thị Hường			0,05							0,30	
31	Võ Thị Thảo			0,01							0,06	
32	Nguyễn Văn Hải			0,024							0,14	
33	Phan Văn Luyện			0,033							0,20	
34	Phạm Ngọc Lân			0,05							0,30	
35	Phạm Viết Trung			0,0525							0,32	
36	Nguyễn Thế Hưng			0,03							0,18	
Thôn Lâm Phúc		29,303	0,624	0,844	0,000	0,000	0,000	0,045	0,000	0,000	11,441	
1	Lê Văn Thọ	2,76	0,092								0,920	
2	Phan Huỳnh	0,60		0,050							0,300	
3	Nguyễn Văn Toái	0,60		0,050							0,300	
4	Phan Quỳnh	0,60		0,050							0,300	
5	Nguyễn Văn Trí	0,60		0,050							0,300	
6	Lê Văn Luận	0,60		0,050							0,300	
7	Nguyễn Văn Bình	4,50	0,150								1,500	
8	Lê Thị Hương	0,36		0,030							0,178	
9	Nguyễn Thị Thuận	0,36		0,030							0,178	
10	Nguyễn Thị Bích Thiêm	0,45						0,045			0,135	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
11	Phan Thị Phúc	2,34		0,195							1,170	
12	Bùi Thế Thái	1,62		0,135							0,810	
13	Phan Triền	1,46		0,122							0,732	
14	Nguyễn Biểu	0,74		0,062							0,372	
15	Nguyễn Văn Thái	1,53	0,051								0,510	
16	Lê Đình Hân	1,26	0,042								0,420	
17	Lê Văn Đào	1,29	0,043								0,430	
18	Nguyễn Lai	1,74	0,058								0,580	
19	Phan Khanh	1,59	0,053								0,530	
20	Nguyễn Văn Dũng	1,41	0,047								0,470	
21	Nguyễn Phi Hùng	2,64	0,088								0,880	
22	Trần Thị Hòa	0,25		0,021							0,126	
Thôn Lâm Khê		33,797	-	0,469	1,338	-	-	-	-	-	16,195	
1	Nguyễn Văn Học	1,00			0,050						0,50	
2	Bùi Đức Thuận	1,46			0,073						0,73	
3	Lê văn Phượng	4,00			0,200						2,00	
4	Trần Thái Thành	1,00			0,050						0,50	
5	Phan Văn Sinh	2,00			0,100						1,00	
6	Phan Thị Minh	3,00			0,150						1,50	
7	Nguyễn Ngọc Tình	3,00			0,150						1,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
8	Nguyễn Văn Niên	2,00			0,100						1,00	
9	Phạm Thị Phương	1,00			0,050						0,50	
10	Phan Sinh Quân	1,00			0,050						0,50	
11	Trần Văn Lượng	2,00			0,100						1,00	
12	Trần Văn Đức	1,30			0,065						0,65	
13	Nguyễn Văn Luân	1,00			0,050						0,50	
14	Trần Văn Thuận	1,00			0,050						0,50	
15	Võ Xuân	2,00			0,100						1,00	
16	Phạm Văn Minh	0,25		0,017							0,099	
17	Phan Văn San	1,13		0,075							0,450	
18	Trần Văn Tuyển	1,95		0,130							0,780	
19	Trần Văn Lương	0,50		0,033							0,198	
20	Nguyễn Viết Huân	0,30		0,020							0,120	
21	Phan Thức	0,45		0,030							0,180	
22	Lê Đình Huân	0,75		0,050							0,300	
23	Phạm Thị Phụng	0,98		0,065							0,390	
24	Phan Thiết	0,40		0,026							0,158	
25	Phan Văn Sỹ	0,35		0,023							0,139	
Thôn Lâm Thọ		30,640	-	0,021	-	0,160	0,143	0,798	0,725	0,175	10,570	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
1	Phạm Thị Trang	1,75							0,05	0,05	0,63	
2	Phạm Thị Chiến	2,25						0,075	0,10		0,73	
3	Phạm Minh Tâm	1,25						0,125			0,38	
4	Nguyễn Thái Học	1,50							0,10		0,50	
5	Phạm Bắc	0,75							0,05		0,25	
6	Nguyễn Túy	0,88						0,05	0,03		0,28	
7	Bùi Thế Hiệp	1,00						0,10			0,30	
8	Nguyễn Mạnh Sâm	0,23						0,023			0,07	
9	Bùi Tiến	0,75						0,075			0,23	
10	Võ Thị Duyên	0,75							0,05		0,25	
11	Phan Trung Tá	1,00						0,10			0,30	
12	Đoàn Tiến Sỹ	1,00								0,05	0,38	
13	Phan Xuân Lam	1,25						0,05	0,05		0,40	
14	Nguyễn Quốc Danh	0,75							0,05		0,25	
15	Phan Truyền	2,25						0,05	0,05	0,05	0,78	
16	Trần Quốc Tiến	1,25						0,05	0,05		0,40	
17	Trần Văn Thúc	0,75							0,05		0,25	
18	Trần Viết Hùng	1,25						0,05	0,05		0,40	
19	Lê Ngọc Hải	0,50						0,05			0,15	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
20	Trần Văn Khương	1,60				0,050					0,75	
21	Nguyễn Thị Liên	1,25							0,05	0,03	0,44	
22	Nguyễn Trọng	3,52				0,110					1,65	
23	Hà Văn Hạnh	0,50					0,025				0,125	
24	Hà Thị Oanh	0,32		0,021							0,126	
25	Võ Thị Tinh	0,70					0,035				0,175	
26	Trần Văn Long	0,66					0,033				0,165	
27	Nguyễn Song Thao	0,53					0,026				0,132	
28	Nguyễn Thị Lý	0,46					0,023				0,116	
Thôn Lâm Giang		59,087	0,000	0,741	0,000	1,046	0,668	0,000	0,000	0,163	24,687	
1	Ngô Sỹ Đức	1,125		0,045			0,023				0,383	
2	Trần Thị Lý	0,879		0,039			0,015				0,307	
3	Lê Văn Phúc	0,800					0,040				0,200	
4	Lê Văn Chiến	0,920					0,046				0,230	
5	Võ Thị Hương	0,995				0,02	0,025				0,373	
6	Bùi Ngọc Chiến	0,920					0,046				0,230	
7	Nguyễn Đình Nam	0,800					0,040				0,200	
8	Nguyễn Văn Hậu	0,567		0,018			0,015				0,182	
9	Nguyễn Văn Hiền	0,500					0,025				0,125	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
10	Ngô Công Truyền	1,275		0,045			0,030				0,420	
11	Hoàng Thị Thắm	2,025		0,135			0,000				0,810	
12	Lê Văn Huân	1,195		0,045			0,026				0,400	
13	Lê Văn Dương	1,013		0,068			0,000				0,405	
14	Lê Minh Lương	1,813		0,068			0,040				0,605	
15	Ngô Diên	4,275		0,045		0,10	0,030				1,920	
16	Cao Thị Liên	4,013		0,068		0,10	0,000				1,905	
17	Phạm Đình Kiên	1,125		0,045			0,023				0,383	
18	Cao Thị Thủy	1,357		0,024			0,050				0,393	
19	Phạm Thị Thường	2,397		0,024		0,05	0,027				1,028	
20	Phạm Thị Tuyết	1,120					0,056				0,280	
21	Nguyễn Trọng Tuất	0,800					0,040				0,200	
22	Lê Thị Bắc	0,300					0,015				0,075	
23	Nguyễn Văn Vinh	1,125		0,045			0,023				0,383	
24	Võ Văn Túy	2,116		0,030		0,03	0,034				0,843	
25	Nguyễn Thị Hải	3,450				0,115					1,73	
26	Ngô Đức Thống	6,000				0,200					3,00	
27	Nguyễn Đức Thuận	3,000				0,100					1,50	
28	Võ Văn Hữu	1,950				0,065					0,98	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
29	Lê Thị Cúc	0,792				0,026					0,40	
30	Lê Văn Cường	3,000				0,100					1,50	
31	Nguyễn Bính	3,282				0,090				0,03	1,57	
32	Bùi Hữu Trường	0,660				0,000				0,03	0,25	
33	Nguyễn Văn Vĩnh	1,500				0,050				0,00	0,75	
34	Hoàng Duy Nông	2,000				0,000				0,10	0,75	
Thôn Tân Sơn		79,730	0,000	0,000	0,509	0,900	2,127	0,000	0,000	0,000	29,230	
1	Phan Văn Phú	2,000					0,100	0,00			0,500	
2	Nguyễn Quang Hải	2,000					0,100	0,00			0,500	
3	Tô Công Duẩn	1,260				0,02	0,033	0,00			0,465	
4	Nguyễn Quang Trung	4,500				0,05	0,150	0,00			1,500	
5	Trần Kỳ	4,200				0,04	0,150	0,00			1,350	
6	Tô Quang Khôi	4,000					0,200	0,00			1,000	
7	Nguyễn Quang Hạnh	2,500				0,05	0,050	0,00			1,000	
8	Từ Đăng Dạm	1,000					0,050	0,00			0,250	
9	Từ Hải	2,000					0,100	0,00			0,500	
10	Dương Phú	1,000					0,050	0,00			0,250	
11	Hồ Đình Luận	2,000					0,100	0,00			0,500	
12	Hoàng Thanh Sâm	2,600					0,130	0,00			0,650	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
13	Nguyễn Văn Quốc	2,460			0,030	0,04	0,033	0,00			1,065	
14	Nguyễn Thanh Bình	2,000			0,100		0,000	0,00			1,000	
15	Lê Văn Lợi	1,000			0,050		0,000	0,00			0,500	
16	Khắc Lĩnh	1,060			0,020		0,033	0,00			0,365	
17	Phùng Thị Anh	3,000			0,100		0,050	0,00			1,250	
18	Nguyễn Văn Châu	2,000			0,100		0,000	0,00			1,000	
19	Nguyễn Thị Nguyệt	1,000					0,050	0,00			0,250	
20	Đặng Xuân Thường	1,200					0,060	0,00			0,300	
21	Nguyễn Thị Chiến	1,700				0,04	0,025	0,00			0,725	
22	Đình Văn Học	1,000					0,050	0,00			0,250	
23	Hồ Thị Thanh	2,000					0,100	0,00			0,500	
24	Nguyễn Đình Quyền	1,260				0,02	0,033	0,00			0,465	
25	Nguyễn Đình Thê	1,000					0,050	0,00			0,250	
26	Nguyễn Thị Hiền	1,200				0,02	0,030	0,00			0,450	
27	Võ Quốc Lam	1,000			0,050		0,000	0,00			0,500	
28	Nguyễn Quang Học	2,160			0,033	0,05	0,000	0,00			1,080	
29	Nguyễn Văn Báo	0,528			0,026		0,000	0,00			0,264	
30	Nguyễn Thị Hồng	1,000					0,050	0,00			0,250	
31	Phan Xuân Kỳ	1,000					0,050	0,00			0,250	
32	Nguyễn Khắc Thìn	2,500				0,05	0,050	0,00			1,000	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
33	Nguyễn Khắc Hiệp	1,000					0,050	0,00			0,250	
34	Nguyễn Khắc Khang	1,000					0,050	0,00			0,250	
35	Nguyễn Thị Ninh	1,000					0,050	0,00			0,250	
36	Nguyễn Thị Hồng	1,000					0,050	0,00			0,250	
37	Lê Viết Hiệp	2,050				0,04	0,050	0,00			0,775	
38	Phan Văn Lý	1,500				0,050					0,75	
39	Nguyễn Thị Dinh	0,750				0,025					0,38	
40	Nguyễn Chí Hùng	3,000				0,100					1,50	
41	Lê xuân Nam	0,900				0,030					0,45	
42	Bùi Đức Điệp	0,900				0,030					0,45	
43	Hồ Thị Thường	3,000				0,100					1,50	
44	Phùng Đình Nam	1,500				0,050					0,75	
45	Nguyễn Văn Minh	3,000				0,10					1,50	
Thôn Tân Thủy		101,040	0,000	0,000	0,000	2,664	1,056	0,000	0,000	0,000	45,240	
1	Lê Xuân Đạt	1,50					0,075				0,375	
2	Từ Đăng Tài	1,27				0,009	0,050				0,385	
3	Lê Thị Lộc	2,80				0,060	0,050				1,150	
4	Nguyễn Đình Hải	1,30				0,010	0,050				0,400	
5	Phan Văn Vịnh	1,15				0,015	0,035				0,400	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
6	Hà Đình Khoa	1,07				0,015	0,031				0,380	
7	Trần Mạnh Thắng	3,00				0,050	0,075				1,125	
8	Nguyễn Thị Huyền	1,30				0,010	0,050				0,400	
9	Lê Hữu Lưu	1,40				0,010	0,055				0,425	
10	Nguyễn Đình Thu	1,60					0,080				0,400	
11	Hà Văn Thìn	1,40					0,070				0,350	
12	Nguyễn Thị Xuân	0,90					0,045				0,225	
13	Nguyễn Đình Phúc	1,20					0,060				0,300	
14	Võ Thị Tâm	0,90					0,045				0,225	
15	Lê Thị Lành	1,20					0,060				0,300	
16	Lê Đức Thắng	1,18				0,006	0,050				0,340	
17	Nguyễn Khắc Trường	1,40					0,070				0,350	
18	Trần Xuân Kiều	2,05				0,035	0,050				0,775	
19	Nguyễn Đức Sơn	2,60				0,05	0,055				1,025	
20	Trần Quốc Tuấn	1,50				0,050					0,750	
21	Trần Thiện	1,05				0,035					0,525	
22	Nguyễn Đình Nam	2,25				0,075					1,125	
23	Bùi Đức Quyết	3,90				0,130					1,950	
24	Hồ Văn Tiếp	3,90				0,130					1,950	
25	Lê Hữu Lân	3,90				0,130					1,950	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
26	Hoàng Bá Quyền	1,50				0,050					0,750	
27	Nguyễn Văn Ngọc	3,90				0,130					1,950	
28	Phan Văn Vinh	2,10				0,070					1,050	
29	Nguyễn Thị Xoan	1,50				0,050					0,750	
30	Nguyễn Văn Huân	1,50				0,050					0,750	
31	Ngô Sỹ Đoài	1,50				0,050					0,750	
32	Nguyễn Thanh Nghị	1,50				0,050					0,750	
33	Phạm Ngọc Đồng	1,05				0,035					0,525	
34	Nguyễn Đình Dương	1,50				0,050					0,750	
35	Hà Huy Hồ	1,08				0,036					0,540	
36	Nguyễn Thị Lan	0,90				0,030					0,450	
37	Nguyễn Văn Xuân	1,05				0,035					0,525	
38	Đặng Xuân Tuấn	1,50				0,050					0,750	
39	Bùi Đức Thiện	1,50				0,050					0,750	
40	Võ Đình Giáp	1,08				0,036					0,540	
41	Nguyễn Lương Bảo	0,90				0,030					0,450	
42	Tô Công Khoa	1,08				0,036					0,540	
43	Nguyễn Đình Dân	1,50				0,050					0,750	
44	Nguyễn Văn Hoan	1,50				0,050					0,750	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
45	Nguyễn Ngọc Toàn	3,00				0,100					1,500	
46	Nguyễn Đình Tăng	1,50				0,050					0,750	
47	Nguyễn Đình Trung	1,08				0,036					0,540	
48	Lê Hữu Xám	3,75				0,125					1,875	
49	Nguyễn Thị Thủy	2,25				0,075					1,125	
50	Nguyễn Thị Vân	0,54				0,018					0,270	
51	Phan Ngọc Thủy	1,50				0,050					0,750	
52	Nguyễn Khắc Long	1,08				0,036					0,540	
53	Phan Thanh Đường	3,00				0,100					1,500	
54	Phan Thị Xuân	2,10				0,070					1,050	
55	Nguyễn Đình Cường	0,54				0,018					0,270	
56	Hoàng Thanh Trâm	0,54				0,018					0,270	
57	Nguyễn Hồng Hà	3,00				0,100					1,500	
58	Từ Đường	0,90				0,030					0,450	
59	Nguyễn Tiến Biểu	0,90				0,030					0,450	
60	Nguyễn Đăng Đình	1,50				0,05					0,750	
Thôn Đồng Phúc		179,224	-	1,538	0,729	3,782	1,283	-	-	-	79,666	
1	Đào Khắc Hùng	2,250		0,050		0,050					1,05	
2	Nguyễn Thị Nhị	1,995		0,033		0,050					0,95	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
3	Trần Văn Đức	1,500				0,050					0,75	
4	Nguyễn Đình Việt	2,500		0,100	0,040	-					1,00	
5	Nguyễn Đình Cường	2,000				0,050	0,025				0,88	
6	Lê Đình Phương	2,000				0,050	0,025				0,88	
7	Nguyễn Đình Nhân	1,590		0,046		0,030					0,73	
8	Trần Xuân Tịnh	2,450			0,050	0,040					1,10	
9	Lê Hữu Quỳnh	1,740			0,030	0,033					0,80	
10	Nguyễn Quang Tinh	1,947			0,046	0,026					0,86	
11	Nguyễn Đình Hoàng	2,100			-	0,070					1,05	
12	Nguyễn Đình Liệu	1,250			0,050						0,50	
13	Nguyễn Quang Hành	1,250			0,050						0,50	
14	Nguyễn Văn Tuấn	2,450		0,080	0,050						0,98	
15	Lê Xuân Trường	2,550		0,070	-	0,050					1,17	
16	Lê Thị Mai	1,500		-	-	0,050					0,75	
17	Lê Văn Nhiệm	2,250		0,050	-	0,050					1,05	
18	Nguyễn Khắc Vinh	2,450		-	0,050	0,040					1,10	
19	Lê Thị Phi	1,188		0,033	-	0,023					0,54	
20	Nguyễn Văn Hà	2,550		0,050	-	0,060					1,20	
21	Bùi Đức Quán	2,144		0,043	-	0,050					1,01	
22	Lê Văn Bê	1,896		0,026	-	0,050					0,91	
23	Phan Thanh Sơn	2,400		-	-	0,080					1,20	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
24	Trần Xuân Hiệp	2,750		-	0,050	0,050					1,25	
25	Đặng Văn Luật	2,925		0,075	-	0,060					1,35	
26	Cù Xuân Trung	1,287		-	-	0,043					0,64	
27	Hồ Thị Xuân	3,729		0,033	-	0,030	0,117				1,23	
28	Nguyễn Văn Tình	0,990		-	-	0,033					0,50	
29	Trần Văn Bình	2,250		0,050	-	0,050					1,05	
30	Lê Đình Nam	1,847		0,023	-	0,050					0,89	
31	Trần Xuân Phúc	2,787		0,100	-	0,043					1,24	
32	Võ Quang Đoàn	1,800		0,050	-	0,035					0,83	
33	Nguyễn Thị Hạnh	2,100		0,100	-	0,020					0,90	
34	Phạm Thị Xuân	1,950		0,050	-	0,040					0,90	
35	Nguyễn Đình Tiến	1,650		0,050	-	0,030					0,75	
36	Lê Văn Vững	3,076		0,043	0,033	0,020	0,050				1,14	
37	Nguyễn Thị Hoa	1,725		0,015	-	0,050					0,84	
38	Lê Ngọc Trung	1,515		0,035	-	0,033					0,71	
39	Trần Văn Cường	2,250		0,050	-	0,050					1,05	
40	Nguyễn Thị Nhân	1,500				0,050					0,75	
41	Lê Thị Liệu	0,990		-	-	0,033					0,50	
42	Nguyễn Phi Khanh	2,250		0,050		0,050					1,05	
43	Văn Thanh Bình	1,695		0,033		0,040					0,80	
44	Nguyễn Thị Anh	2,150			0,050	0,030					0,95	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
45	Lê Thị Xuyên	1,500				0,050					0,75	
46	Lê Văn Công	1,500				0,050					0,75	
47	Nguyễn Đình Châu	3,033			0,033	0,040	0,050				1,18	
48	Lê Duẩn Đường	2,832				0,050	0,067				1,08	
49	Hồ Huy Lợi	1,500				0,050					0,75	
50	Phan Duy Tùng	1,500				0,050					0,75	
51	Trần Thị Dung	1,500				0,050					0,75	
52	Nguyễn Mạnh Hùng	1,500				0,050					0,75	
53	Trần Văn Bình	0,999				0,033					0,50	
54	Nguyễn Đình Du	1,250			0,05						0,50	
55	Nguyễn Khắc Hùng	1,050				0,035					0,53	
56	Nguyễn Thị Hường	1,500				0,050					0,75	
57	Trần Xuân Phú	0,999				0,033					0,50	
58	Đặng Khánh Diệm	1,500				0,050					0,75	
59	Lê Đình Hà	0,960				0,032					0,48	
60	Lê Văn Sơn	0,990				0,033					0,50	
61	Nguyễn Đình Thanh	1,050				0,035					0,53	
62	Phan Thị Vân	2,040				0,068					1,02	
63	Trần Thị Hương	1,950				0,065					0,98	
64	Nguyễn Thị Anh (Quế)	1,950				0,065					0,98	
65	Nguyễn Công Thức	1,500				0,050					0,75	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
66	Nguyễn Quang Tính	1,500				0,050					0,75	
67	Nguyễn Văn Tình	1,500				0,050					0,75	
68	Nguyễn Minh Thịnh	3,500				0,050	0,100				1,25	
69	Lê Thị Quế	2,500				0,050	0,050				1,00	
70	Nguyễn Quang Hường	2,000				0,040	0,040				0,80	
71	Bùi Đức Sơn	1,500				0,050					0,75	
72	Nguyễn Đình Văn	2,160				0,072					1,08	
73	Đào Xuân Nam	5,500				0,050	0,200				1,75	
74	Nguyễn Quang Tài	1,500				0,050					0,75	
75	Nguyễn Tiến Quốc	2,000		0,05	0,05						0,80	
76	Trần Thị Tâm	1,350		0,05	0,00	0,02					0,60	
77	Nguyễn Thị Hương	0,833			0,033						0,33	
78	Phan Xuân Hương	0,960				0,03					0,48	
79	Trần Thị Chung	2,098				0,03	0,06				0,75	
80	Nguyễn Thị Vân Anh					0,04					0,60	
81	Trần Thị Hoa	1,183			0,02	0,02					0,53	
82	Nguyễn Thị Tân	1,900				0,03	0,05				0,70	
83	Lê Bá Lộc	1,832				0,03	0,05				0,68	
84	Lê Quốc Vận	0,990				0,03					0,50	
85	Nguyễn Văn Long	0,900				0,03					0,45	
86	Nguyễn Đình Trọng	0,990				0,03					0,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
87	Nguyễn Đình Nam	3,336			0,03		0,13				0,93	
88	Nguyễn Thanh Sơn	0,600				0,02					0,30	
89	Hồ Quang Hậu	0,600				0,02					0,30	
90	Nguyễn Quyết Thắng	0,600				0,02					0,30	
91	Nguyễn Thị Mạo	0,600				0,02					0,30	
92	Nguyễn Thị Tý	0,600				0,02					0,30	
93	Lê Thị Bân	0,900				0,03					0,45	
94	Nguyễn Thị Yên	0,750		0,05							0,30	
95	Nguyễn Thị Linh	1,600					0,08				0,40	
96	Nguyễn Thị Sương	1,600					0,08				0,40	
97	Trần Thị Thơ	0,900				0,03					0,45	
98	Cao Thị Ngân	0,325			0,013						0,13	
99	Phan Thị Nhung	1,200				0,04					0,60	
100	Phan Quang Liên	1,500				0,01	0,06				0,45	
101	Nguyễn Anh Sơn	0,900				0,03					0,45	
102	Nguyễn Xuân Vinh	1,200				0,04					0,60	
103	Nguyễn Duy Hành	0,900				0,03					0,45	
104	Nguyễn Thị Dung	0,750		0,05							0,30	
105	Trần Thị Nga	1,900				0,03	0,05				0,70	
Thôn Yên Long		140,200	0,000	0,000	0,000	0,000	7,010	0,000	0,000	0,000	35,050	
1	Nguyễn Ngọc Hoàng	0,70					0,035				0,175	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
2	Nguyễn Đức	1,40					0,070				0,350	
3	Nguyễn Văn Linh	1,20					0,060				0,300	
4	Nguyễn Xuân Tình	1,60					0,080				0,400	
5	Nguyễn Xuân Phúc	1,00					0,050				0,250	
6	Nguyễn Thị Thanh	0,80					0,040				0,200	
7	Phạm Quốc Công	2,20					0,110				0,550	
8	Nguyễn Thị Sen	2,20					0,110				0,550	
9	Cù Xuân Ái	2,80					0,140				0,700	
10	Nguyễn Ngọc Quý	1,40					0,070				0,350	
11	Trần Quốc Nhân	1,80					0,090				0,450	
12	Nguyễn Văn Dục	3,00					0,150				0,750	
13	Nguyễn Xuân Hải	1,00					0,050				0,250	
14	Lê Trần Thắng	2,60					0,130				0,650	
15	Trần Văn Bá	2,40					0,120				0,600	
16	Nguyễn Văn Hóa	0,80					0,040				0,200	
17	Lê Văn Trung	1,00					0,050				0,250	
18	Đặng Thanh Lâm	1,20					0,060				0,300	
19	Lê Thanh Tâm	1,00					0,050				0,250	
20	Lê Đình Hòa	1,80					0,090				0,450	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
21	Hà Thị Lại	2,40					0,120				0,600	
22	Lê Ngọc Tiền	0,40					0,020				0,100	
23	Trần Cường	1,00					0,050				0,250	
24	Đào Nam	0,80					0,040				0,200	
25	Đặng Luật	1,20					0,060				0,300	
26	Cù Xuân Trung	1,40					0,070				0,350	
27	Trần Đức Thành	0,60					0,030				0,150	
28	Nguyễn Thị Xuân	1,60					0,080				0,400	
29	Hồ Thị Xuân	2,40					0,120				0,600	
30	Trần Ái Quốc	4,00					0,200				1,000	
31	Nguyễn Quang Hòa	1,20					0,060				0,300	
32	Trần Thị An	3,00					0,150				0,750	
33	Hồ Thị Ninh	1,00					0,050				0,250	
34	Nguyễn Thị Tình	1,40					0,070				0,350	
35	Thái Thị Tuyên	0,60					0,030				0,150	
36	Phan Đình Hạ	0,80					0,040				0,200	
37	Nguyễn Đình Hào	5,60					0,280				1,400	
38	Nguyễn Văn Thái	1,00					0,050				0,250	
39	Nguyễn Văn Trường	1,60					0,080				0,400	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
40	Nguyễn Thị Chiên	1,60					0,080				0,400	
41	Phan Thị Tuyết	2,00					0,100				0,500	
42	Đinh Nho Sơn	1,00					0,050				0,250	
43	Đặng Thanh Luận	1,60					0,080				0,400	
44	Lê Đình Thuyết	1,40					0,070				0,350	
45	Đặng Hữu Toàn	1,00					0,050				0,250	
46	Phạm Trần Thế	2,00					0,100				0,500	
47	Nguyễn Văn Định	1,20					0,060				0,300	
48	Trần Thanh Hà	2,40					0,120				0,600	
49	Lê Tiến Dũng	2,60					0,130				0,650	
50	Lê Thị Hương	1,00					0,050				0,250	
51	Nguyễn Thị Xuân	1,00					0,050				0,250	
52	Nguyễn Văn Cảnh	1,60					0,080				0,400	
53	Lê Đình Khang	1,40					0,070				0,350	
54	Hoàng Đình Trung	2,40					0,120				0,600	
55	Nguyễn Thanh Bình	1,20					0,060				0,300	
56	Lê Khánh Sơn	1,60					0,080				0,400	
57	Lê Khánh Tình	4,00					0,200				1,000	
58	Lê Xuân Thủy	2,60					0,130				0,650	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
59	Trần Thắng	6,40					0,320				1,600	
60	Hồ Đình Tĩnh	2,00					0,100				0,500	
61	Nguyễn Thị Thanh	1,60					0,080				0,400	
62	Trần Ngọc Thịnh	2,00					0,100				0,500	
63	Nguyễn Đình Hàn	1,40					0,070				0,350	
64	Trần Văn Phúc	1,80					0,090				0,450	
65	Lê Xuân Hải	1,00					0,050				0,250	
66	Nguyễn Tiến Công	3,80					0,190				0,950	
67	Cù Thị Ngân	0,80					0,040				0,200	
68	Đinh Thị Lài	3,00					0,150				0,750	
69	Bùi Thị Quế	2,00					0,100				0,500	
70	Đặng Xuân Hồng	1,60					0,080				0,400	
71	Đặng Xuân Toàn	2,40					0,120				0,600	
72	Phan Xuân Tường	1,60					0,080				0,400	
73	Trần Thị Xanh	1,80					0,090				0,450	
74	Nguyễn Tiến Chương	2,00					0,100				0,500	
75	Nguyễn Công Trình	3,60					0,180				0,900	
76	Hồ Đình Quý	2,00					0,100				0,500	
77	Nguyễn Xuân Phúc	1,90					0,095				0,475	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
Thôn Hữu Trạch		77,598	0,000	0,169	1,503	0,000	2,217	0,000	0,000	1,363	37,347	
1	Nguyễn Quang Hòa	0,83					0,045			0,030	0,45	0
2	Hồ Thị Nguyệt	0,43		0,043							0,26	
3	Lê Xuân Huê	2,37			0,050					0,056	0,92	
4	Cù Xuân Lâm	1,10		0,01						0,050	0,44	
5	Nguyễn Đình Nhung	0,85		0,01	0,030						0,36	
6	Nguyễn Văn Trí	1,06			0,016					0,033	0,41	
7	Nguyễn Văn Tam	4,30			0,100					0,090	1,68	
8	Lê Văn Quỳnh	2,25			0,050					0,050	0,88	
9	Nguyễn Quang Thân	1,00								0,050	0,38	
10	Nguyễn Văn Hồng	4,75			0,050		0,100			0,150	2,13	
11	Nguyễn Văn Bằng	4,00			0,000					0,200	1,50	
12	Lê Hữu Cường	4,25			0,050		0,200			0,100	2,25	
13	Nguyễn Quang Hạnh	1,35					0,070			0,050	0,73	
14	Hô Xuân Toàn	1,00								0,050	0,38	
15	Nguyễn Quang Tương	1,00								0,050	0,38	
16	Phan Thị Tú	2,00								0,100	0,75	
17	Nguyễn Quốc Hùng	2,00			0,040					0,050	0,78	
18	Nguyễn Phi Công	3,25			0,050					0,100	1,25	
19	Lê Ngọc Việt	2,67			0,060		0,090			0,036	1,32	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
20	Phạm Tuấn	1,95		0,02	0,030					0,050	0,80	
21	Bùi Thị Xanh	0,20		0,02							0,12	
22	Nguyễn Chánh Giáp	0,20		0,02							0,12	
23	Nguyễn Văn Cẩn	1,94			0,059					0,023	0,76	
24	Đinh Hồng Thịnh	1,15		0,015	0,040						0,49	
25	Phạm Thị Liễu	0,41		0,021						0,010	0,20	
26	Cù Xuân Dung	0,43			0,017						0,17	
27	Nguyễn Quang Trung	0,78			0,011					0,025	0,30	
28	Nguyễn Sơn Kế	0,53			0,021						0,21	
29	Phan Xuân Thoại	1,60			0,050		0,070				0,85	
30	Lê Viết Hùng	1,65			0,055		0,055				0,83	
31	Lê Xuân Hào	0,90			0,026		0,050				0,51	
32	Nguyễn Văn Thảo	0,59		0,01	0,013		0,033				0,36	
33	Hoàng Văn Hào	1,45			0,050					0,010	0,58	
34	Nguyễn Thị Nhiên	0,68			0,027						0,27	
35	Nguyễn Đình Nhung	0,65			0,019		0,04				0,37	
36	Lê Xuân Lan	1,38			0,050		0,03				0,63	
37	Lê Xuân Hải	0,63			0,025						0,25	
38	Lê Thị Loan	1,33			0,053						0,53	
39	Nguyễn Thị Sen	1,73			0,069						0,69	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
40	Hoàng Văn Công	1,25			0,050						0,50	
41	Hồ Thị Kim Liên	1,20			0,040		0				0,60	
42	phan Văn Ngân	0,63			0,025						0,25	
43	Nguyễn Đình Trong	0,50			0,020						0,20	
44	Bùi Thị Hòa	1,45			0,050		0				0,70	
45	Hoàng Ngọc Chương	0,93			0,027		0,05				0,52	
46	Nguyễn Văn Thư	0,70			0,028						0,28	
47	Nguyễn Hồng Quân	0,70			0,028						0,28	
48	Phan Thị Hồng Sâm	0,39			0,013		0,013				0,20	
49	Nguyễn Phi Việt	1,25			0,050						0,50	
50	Nguyễn Anh Tài	0,35			0,014						0,14	
51	Nguyễn Đình Lý	0,75			0,030						0,30	
52	Nguyễn Thị Chuyên	0,41			0,017						0,17	
53	Lê Đình Nam	0,75					0,15				0,75	
54	Phan Thị Nga	0,15					0,03				0,15	
55	Nguyễn Thị Quyên	0,17					0,03				0,17	
56	Lê Xuân Đồng	1,50					0,30				1,50	
57	Lê Anh Tuấn	2,50					0,50				2,50	
58	Nguyễn Thị Hiền	0,20					0,04				0,20	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
59	Tô Quang Long	0,35					0,07				0,35	
60	Phan Trung Hải	0,25					0,05				0,25	
61	Nguyễn Văn Thứ	0,08					0,02				0,08	
62	Hồ Huy Hoàng	0,27					0,05				0,27	
63	Đình Công Hào	0,30					0,06				0,30	
Thôn Xuân Mai		27,200	-	-	0,400	0,600	-	-	-	-	13,000	
1	Hà Xuân Hồng	0,8				0,025					0,38	
2	Bùi Thị Thuận	0,5				0,015					0,23	
3	Nguyễn Văn Hành	1,0				0,030					0,45	
4	Hồ Đăng	1,0				0,030					0,45	
5	Đào Thị Lý	0,6				0,020					0,30	
6	Nguyễn Đình Quyền	1,9				0,060					0,90	
7	Lê Lâm Sinh	0,6				0,020					0,30	
8	Nguyễn Thanh Hải	1,0				0,030					0,45	
9	Phan Đình Tuyển	1,0				0,030					0,45	
10	Nguyễn Văn Trà	1,0				0,030					0,45	
11	Phan Ái	1,0				0,030					0,45	
12	Phan Phúc	1,6				0,050					0,75	
13	Nguyễn Đình Khang	1,0				0,030					0,45	
16	Nguyễn Văn Linh	1,3				0,040					0,60	
17	Hoàng Minh Cử	1,9				0,060					0,90	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
18	Nguyễn Thị Kim	2				0,05					0,75	
19	Hoàng Nam Việt	2				0,05					0,75	
20	Đình Công Tranh	1,00			0,050						0,500	
21	Lê Thị Hạnh	1,00			0,050						0,500	
22	Hà Nam Ninh	0,50			0,025						0,250	
23	Hoàng Xuân Tình	1,20			0,060						0,600	
24	Nguyễn Văn Chương	0,20			0,010						0,100	
25	Nguyễn Thị Na	1,00			0,050						0,500	
26	Nguyễn Văn Hồng	1,00			0,050						0,500	
27	Nguyễn Thị Hòa	0,60			0,030						0,300	
28	Phan Thị Cường	0,50			0,025						0,250	
29	Nguyễn Việt	0,50			0,025						0,250	
30	Hoàng Thành	0,50			0,025						0,250	
Thôn Quang Thủy		18,900	-	-	-	0,630	-	-	-	-	9,450	
1	Đào Viết Bình	1,50				0,05					0,75	
2	Nguyễn Mạnh Huyền	0,90				0,030					0,45	
3	Nguyễn Đình Thanh	1,50				0,05					0,75	
4	Nguyễn Công Đường	1,50				0,050					0,75	
5	Lương Thị Hương	1,50				0,050					0,75	
6	Nguyễn Tam Kỳ	3,00				0,100					1,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
7	Nguyễn Trọng Tuệ	0,60				0,020					0,30	
8	Nguyễn Thị Nhân	0,75				0,025					0,38	
9	Nguyễn Hữu Ái	1,50				0,050					0,75	
10	Lê Thị Hoa	0,75				0,025					0,38	
11	Hà Thị Soa	0,75				0,025					0,38	
12	Phan Tạo	0,36				0,012					0,18	
13	Nguyễn Lam Khôi	0,39				0,013					0,20	
14	Nguyễn Thị Hải	0,36				0,012					0,18	
15	Phan Tuấn	0,39				0,013					0,20	
16	Nguyễn Quang Minh	1,50				0,050					0,75	
17	Đào Nhật Thái	1,65				0,055					0,83	
Thôn Đồng Sơn		38,605	-	-	0,033	0,335	-	-	-	0,666	10,346	
1	Nguyễn Thị Nga	2								0,05	0,38	
2	Nguyễn Văn Minh	2								0,05	0,38	
3	Phan Xuân Sanh	1								0,02	0,12	
4	Nguyễn Thị Nhung	1								0,02	0,12	
5	Nguyễn Đình Huệ	1								0,02	0,12	
6	Nguyễn Đình Tuyên	1								0,02	0,12	
7	Hồ Thị Thìn	1								0,02	0,15	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
8	Hồ Xuân Cường	2								0,05	0,38	
9	Nguyễn Thị Nhân	2								0,05	0,38	
10	Hồ Quốc Tiến	5								0,08	0,60	
11	Nguyễn Mạnh Hùng	2								0,03	0,25	
12	Phan Thị Quý	4								0,05	0,38	
13	Nguyễn Quang Thành	2,16			0,033					0,07	0,83	
14	Phan Anh	1,75				0,025				0,05	0,75	
15	Phan Tuấn Anh	2,30				0,01				0,10	0,90	
16	Nguyễn Thanh Hải	0,90				0,030					0,45	
17	Phan Văn Tiến	0,90				0,030					0,45	
18	Hồ Xuân Cường	1,50				0,050					0,75	
19	Võ Xuân Lê	0,45				0,015					0,23	
20	Nguyễn Đình Huê	0,90				0,030					0,45	
21	Nguyễn Đình Tuyên	0,45				0,015					0,23	
22	Nguyễn Thị Thái	0,45				0,015					0,23	
23	Phan Văn Bình	0,45				0,015					0,23	
24	Phan Thị Quý	3,00				0,1					1,50	
Thôn Đông Phố		216,168	0,615	3,360	0,375	1,299	0,385	0,000	0,000	4,657	86,401	
1	Phạm Duy Tân	0,75		0,050							0,300	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
2	Nguyễn Đức Mậu	6,13		0,175		0,05				0,1	2,550	
3	Lê Tiến Dũng	1,75		0,050			0,05				0,550	
4	Nguyễn Văn Lợi	4,50		0,050		0,13					2,175	
5	Hồ Đình Việt	3,99		0,027		0,03				0,13	1,630	
6	Võ Thị Liêm	0,40		0,027							0,160	
7	Nguyễn Văn Đào	6,75		0,150		0,05	0,02			0,13	2,725	
8	Hồ Thị Liễu	1,50		0,100							0,600	
9	Nguyễn Thị Trang	4,24		0,050		0,03				0,125	1,733	
10	Lê Cao Thắng	0,75		0,050							0,300	
11	Nguyễn Xuân Tình	5,88		0,125						0,2	2,250	
12	Lê Đình Tuyên	6,63		0,125		0,025				0,2	2,625	
13	Nguyễn Đình Sự	1,13		0,075							0,450	
14	Trần Văn Hợi	4,05	0,06	0,150							1,500	
15	Phạm Văn Tuấn	1,13		0,075							0,450	
16	Đinh Nho Phong	6,38		0,225						0,15	2,475	
17	Hồ Sỹ Tùng	10,00	0,13	0,150						0,2	3,650	
18	Hồ Xuân Kỳ	0,25		0,017							0,100	
19	Văn Đình Phú	1,90		0,027		0,05					0,910	
20	Lương Hữu Ái	1,88		0,125							0,750	
21	Hồ Văn Thông	2,50		0,100	0,05						1,100	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
22	Nguyễn Cảnh	1,40		0,093							0,560	
23	Nguyễn Thị Thủy	1,13		0,075							0,450	
24	Văn Đình Tuấn	1,13		0,075							0,450	
25	Nguyễn Mạnh Hà	4,95	0,03	0,090		0,04				0,075	2,003	
26	Nguyễn Mạnh Tình	4,35		0,090						0,15	1,665	
27	Nguyễn Văn Long	0,60		0,040							0,240	
28	Lê Thị Nhung	1,19		0,053			0,02				0,415	
29	Đình Nho Hóa	1,00			0,05						0,500	
30	Nguyễn Văn Hải	7,10		0,180	0,10					0,12	2,980	
31	Nguyễn Thanh Bình	1,50			0,08						0,750	
32	Dương Thị Khuyên	1,00			0,05						0,500	
33	Trần Ngọc Châu	4,25		0,050		0,05				0,1	1,800	
34	Nguyễn Phi Công	1,15		0,050			0,02				0,400	
35	Ngô Thị Cúc	3,25	0,10	0,017							1,100	
36	Nguyễn Quý	1,88		0,125							0,750	
37	Nguyễn Tam Khôi	9,00	0,15	0,000		0,05				0,15	3,375	
38	Nguyễn Quý Thuyền	6,50	0,15	0,000			0,10				2,000	
39	Đào Viết Học	8,25		0,050			0,18			0,2	2,675	
40	Lê Văn Dẫn	4,60		0,100	0,05	0,07					2,150	
42	Nguyễn Huy Thức	3,00								0,150	1,125	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
43	Phạm Hồng Thái	3,02								0,151	1,133	
44	Hồ Xuân Thông	5,35		0,09						0,200	2,040	
45	Lê Khánh Bài	3,60				0,1				0,105	1,538	
46	Hồ Văn Kiều	2,53		0,05		0,026				0,050	1,067	
47	Văn Sỹ Long	3,99				0,033				0,150	1,620	
48	Hồ Xuân Trường	3,50				0,05				0,100	1,500	
49	Lê Bảo Trung	3,50				0,05				0,100	1,500	
50	Lê Thị Hòe	0,52								0,026	0,195	
51	Ngô Đức Tân	4,99				0,033				0,200	1,995	
52	Lê Thị Xanh	0,50				0,01				0,010	0,225	
53	Nguyễn Thị Dần	0,60				0,02					0,300	
54	Trịnh Thị Định	2,40		0,06		0,05					1,110	
55	Nguyễn Văn Sỹ	0,99				0,033					0,495	
56	Nguyễn Quý Châu	5,00				0,10				0,100	2,250	
57	Phạm Duy Tâm	3,49				0,03				0,125	1,433	
58	Nguyễn Đình Thế	1,00								0,050	0,375	
59	Đinh Thị Mai	3,88		0,085		0,030				0,085	1,598	
60	Hồ Minh Lộc	1,50								0,075	0,563	
61	Nguyễn Thị Vinh	1,00								0,050	0,375	
62	Hồ Xuân Kỳ	2,78		0,033		0,026				0,075	1,151	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
63	Lê Văn Nam	3,00				0,050				0,075	1,313	
64	Nguyễn Quý Thuyền	2,50				0,050				0,050	1,125	
65	Văn Đình Đức	0,78				0,026					0,390	
66	Nguyễn Thúc Hào	2,49				0,033				0,075	1,058	
67	Ngô Xuân Vỹ	2,50		0,033		-				0,100	0,948	
68	Trần Xuân Tín	4,00								0,200	1,500	
69	Hồ Sỹ Long	3,00								0,150	1,125	
70	Nguyễn Thị Hà	3,10				0,020				0,125	1,238	
71	Nguyễn Mạnh Tình	1,00								0,05	0,375	
Thôn Hà Sơn		226,825	0,890	8,785	0,000	1,357	1,382	0,000	0,000	0,000	88,875	
1	Lưu Văn Thanh	1,59		0,05			0,04				0,510	
2	Ngô Xuân Quang	0,90		0,06							0,360	
3	Bùi Trọng Phi	2,25		0,05		0,05					1,050	
4	Nguyễn Xuân Quý	0,90				0,03					0,450	
5	Nguyễn Văn Đóa	0,75		0,05							0,300	
6	Nguyễn Đình Hải	1,50		0,10							0,600	
7	Trần Văn Thủy	2,55	0,04	0,05		0,02					1,000	
8	Trần Văn Hải	0,75		0,05							0,300	
9	Nguyễn Đình Giáp	1,20				0,04					0,600	
10	Cù Xuân Long	0,75		0,05							0,300	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
11	Trần Văn Thành	1,13		0,08							0,450	
12	Nguyễn Văn Tuấn	0,90				0,03					0,450	
13	Nguyễn Xuân Cảnh	3,00		0,10		0,05					1,350	
14	Nguyễn Đức Thắng	1,50		0,10							0,600	
15	Lê Bá Luyện	0,75		0,05							0,300	
16	Lưu Sỹ Hùng	2,48		0,13		0,02					1,050	
17	Bùi Niu Tơn	2,40		0,06		0,05					1,110	
18	Cao Văn Sơn	0,75		0,05							0,300	
19	Bùi Minh Thiệp	1,50		0,10							0,600	
20	Phạm Khoa	3,30	0,05	0,05		0,04					1,325	
21	Lương Thị Hạnh	0,90				0,03					0,450	
22	Nguyễn Văn Bách	0,75		0,05							0,300	
23	Nguyễn Thị Hiên (Nhật)	1,50		0,10							0,600	
24	Nguyễn Văn Thường	1,65		0,11							0,660	
25	Nguyễn Quốc Trị	1,88		0,13							0,750	
26	Nguyễn Thị Lan	0,75		0,05							0,300	
27	Phạm Xuân Thành	1,20				0,04					0,600	
28	Bùi Trọng Chiến	0,75		0,05							0,300	
29	Trần Thị Nhung	1,05				0,04					0,525	
30	Bùi Thị Duyên	1,35		0,09							0,540	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
31	Bùi Trọng Tuyên	1,35		0,05		0,02					0,600	
32	Nguyễn Thị Thu	1,50	0,05								0,500	
33	Nguyễn Văn Thoại	2,25		0,15							0,900	
34	Lưu Đức Toàn	3,15	0,05	0,11							1,160	
35	Nguyễn Văn Lâm	2,25		0,15							0,900	
36	Phan Xuân Thịnh	2,55	0,05	0,07							0,920	
37	Trần Văn Sơn	2,25	0,05	0,05							0,800	
38	Trần Phú Quang	1,80				0,06					0,900	
39	Nguyễn Đình Đạo	0,75		0,05							0,300	
40	Cù Xuân Lâm	1,95		0,05		0,02	0,03				0,750	
41	Nguyễn Văn Lâm	1,50		0,10							0,600	
42	Đào Thị Lâm	2,80				0,04	0,08				1,000	
43	Đặng Xuân Hùng	1,50				0,05					0,750	
44	Lê Khánh Hiệp	2,55	0,08	0,02							0,870	
45	Bùi Trọng Phong	1,45		0,03			0,05				0,430	
46	Phạm Đình Châu	1,13		0,08							0,450	
47	Bùi Quốc Tùng	2,25		0,10		0,03					0,975	
48	Nguyễn Đình Phú	2,03		0,08		0,03					0,900	
49	Nguyễn Thị Thủy	1,20		0,08							0,480	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
50	Phùng Thị Hiền	1,50		0,10							0,600	
51	Bùi Quốc Hùng	1,88	0,05	0,03							0,650	
52	Trần Quốc Đông	0,75		0,05							0,300	
53	Đặng Văn Hoài	1,05				0,04					0,525	
54	Nguyễn Mạnh Hùng	1,50				0,05					0,750	
55	Nguyễn Ngọc Tú	3,60		0,12		0,06					1,620	
56	Nguyễn Thành Luân	1,20		0,02		0,03					0,570	
57	Thái Thị Bình	0,75		0,05							0,300	
58	Trần Đức Vinh	1,80		0,06		0,03					0,810	
59	Nguyễn Phú Cường	0,75		0,05							0,300	
60	Phạm Mẫu Nghị	1,50		0,10							0,600	
61	Dương Văn Trọng	0,75		0,05							0,300	
62	Dương Văn Tịnh	1,50		0,10							0,600	
63	Hồ Sỹ Tâm	2,25		0,10		0,03					0,975	
64	Trần Quang Hạn	1,30		0,02			0,05				0,370	
65	Nguyễn Thị Khoa	3,00		0,10		0,05					1,350	
66	Nguyễn Văn Phong	2,85		0,15		0,02					1,200	
67	Nguyễn Văn Thuận	2,40		0,06		0,05					1,110	
68	Cao Xuân Long	1,50		0,10							0,600	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
69	Phạm Thanh Bình	0,75		0,05							0,300	
70	Hồ Lương	1,50		0,10							0,600	
71	Phạm Mẫu Tuyền	2,25		0,15							0,900	
72	Phạm Mẫu Thước	1,05		0,07							0,420	
73	Nguyễn Văn Sơn	1,20		0,08							0,480	
74	Nguyễn Thị Đức	0,75		0,05							0,300	
75	Cao Xuân Trường	2,91		0,13		0,03					1,260	
76	Trần Đình Trâm	1,35		0,09							0,540	
77	Trần Quốc Toàn	1,20		0,08							0,480	
78	Trần Thị Thủy	1,13		0,075							0,450	
79	Phan Thị Minh	2,25	0,07	0,02							0,770	
80	Nguyễn Trung Kiên	0,75		0,05							0,300	
81	Nguyễn Thị Sen	1,28		0,085							0,510	
82	Trần Ngọc Sơn	1,50		0,10							0,600	
83	Trần Hữu Cầm	1,13		0,08							0,450	
84	Phạm Hữu Đức	2,85	0,07	0,05							1,000	
85	Phạm Đình Trọng	0,75		0,05							0,300	
86	Phan Xuân Đông	2,25	0,05	0,05							0,800	
87	Phan Xuân Hạnh	2,55	0,05	0,07							0,920	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
88	Phạm Thanh Hà	3,13		0,08			0,10				0,950	
89	Trần Thị Nguyệt	1,75		0,05			0,05				0,550	
90	Phan Đức Thông	0,38		0,025							0,150	
91	Trần Văn Duẩn	2,80				0,06	0,05				1,150	
92	Trần Đình Hải	1,50		0,10							0,600	
93	Trần Hạng (Quyết)	1,80		0,12							0,720	
94	Nguyễn Xuân Trinh	1,65	0,04	0,03							0,580	
95	Nguyễn Thị Tính	0,38		0,03							0,150	
96	Trần Thị Hà	0,75		0,05							0,300	
97	Phan Thanh Nghị	1,50		0,10							0,600	
98	Lê Thị Hoa	5,50		0,07		0,02	0,20				1,645	
99	Phan Thanh Bồng	3,93		0,08			0,14				1,150	
100	Nguyễn Văn Thanh	2,40		0,16							0,960	
101	Nguyễn Văn Liệu	3,55		0,05			0,14				1,000	
102	Nguyễn Đình Thực	2,10		0,140							0,840	
103	Nguyễn Đình Thi	1,50	0,05								0,500	
104	Lê Văn Sáng	3,35		0,090			0,10				1,040	
105	Trần Đình Thái	1,95		0,130							0,780	
106	Nguyễn Đình Lê	2,75		0,05			0,10				0,800	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
107	Nguyễn Đình Tiểu	3,75		0,050			0,15				1,050	
108	Nguyễn Quang Đường	1,95		0,130							0,780	
109	Nguyễn Văn Thọ	1,20		0,080							0,480	
110	Trần Nam Nhật	2,40		0,100		0					1,050	
111	Nguyễn Đình Thuyết	1,28		0,085							0,510	
112	Trần Đình Thắng	1,28		0,085							0,510	
113	Trần Minh Hạnh	1,95		0,050		0,04					0,900	
114	Trần Quốc Tuấn	1,20		0,080							0,480	
115	Lê Đức Thuận	1,50		0,060		0,02					0,660	
116	Trần Huy Liệu	1,28		0,085							0,510	
117	Phan Thái Hòa	1,50		0,100							0,600	
118	Trần Đình Hoàn	3,00	0,10								1,000	
119	Lê Văn Duyệt	1,05		0,070							0,420	
120	Đinh Nho Hóa	1,60		0,040			0,05				0,490	
121	Bùi Minh Thiết	3,25	0,05	0,050			0,050				1,050	
122	Lê Anh Tuấn	1,80		0,120							0,720	
123	Trần Đình Hải	2,40		0,060		0,05					1,110	
124	Nguyễn Đình Hùng	2,25		0,050		0,05					1,050	
125	Nguyễn Văn Thuận	2,25		0,150							0,900	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
126	Lê Bá Tập	2,55		0,100		0,04					1,125	
127	Nguyễn Thế Tuần	2,48		0,165							0,990	
128	Phùng Thị Sâm	0,75		0,050							0,300	
129	Dương Minh Đức	1,50		0,100							0,600	
Thôn Bảo Trung		412,110	-	-	8,380	3,094	-	-	-	0,850	136,578	
1	Bùi Đức Ái	3,87			0,075	0,017				0,05	1,37	
2	Phạm Thị An	3,24			0,050	0,017				0,05	1,12	
3	Lê Văn Đạo	3,24			0,050	0,017				0,05	1,12	
4	Trần Ngọc Cường	3,87			0,075	0,017				0,05	1,37	
5	Bùi Ngọc Dụng	1,85			0,050	0,010				-	0,65	
6	Hoàng Công Định	4,49			0,100	0,017				0,05	1,62	
7	Bùi Đức Thuận	4,75			0,050	0,025				0,10	1,63	
8	Nguyễn Phi Long	5,25			0,150	0,025				-	1,88	
9	Lê Thị Hồng	1,25			0,050	-				-	0,50	
10	Lê Anh Tuấn	5,00			0,100	0,025				0,05	1,75	
11	Lê Văn Minh	2,24			0,050	0,017				-	0,75	
12	Lê Văn Tuấn	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
13	Lê Văn Hùng	1,88			0,015	0,025				-	0,53	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
14	Lê thanh Bình	2,75			0,050	0,025				-	0,88	
15	Nguyễn Văn Hoài	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
16	Lê Đình Chiến	3,75			0,150	-				-	1,50	
17	Nguyễn Văn Sơn	3,25			0,100	0,013				-	1,19	
18	Nguyễn Văn Thìn	3,25			0,100	0,013				-	1,19	
19	Hoàng Văn Thắng	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
20	Nguyễn Văn Tình	2,00			0,050	0,013				-	0,69	
21	Phạm Văn Phú	3,49			0,100	0,017				-	1,25	
22	Nguyễn Thị Dần	3,00				0,05					0,75	
23	Phạm Thị Hà	3,00				0,05					0,75	
24	Phạm Duy Hanh	1,88			0,075						0,75	
25	Nguyễn Anh	3,00				0,05					0,75	
26	Đinh Vân Tàn	3,00				0,05					0,75	
27	Nguyễn Văn Vinh	3,00				0,05					0,75	
28	Nguyễn Duy	2,50			0,100	-				-	1,00	
29	Nguyễn Văn Thành	1,25			0,050	-				-	0,50	
30	Tổng Trần Hải	1,88			0,075	-				-	0,75	
31	Tổng Trần Cát	1,25			0,050	-				-	0,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
32	Nguyễn Đình Quốc	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
33	Hoàng Xuân Trường	2,24			0,050	0,017				-	0,75	
34	Lê Xuân Tại	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
35	Trần Ngọc Phi	5,25			0,150	0,025				-	1,88	
36	Lê Thành	2,50			0,100	-				-	1,00	
37	Nguyễn Đình Trọng	5,00			0,100	0,025				0,05	1,75	
38	Nguyễn Phi Công	4,00			0,100	0,025				-	1,38	
39	Phạm Đức Hồng	2,50			0,100	-				-	1,00	
40	Thái Tiến Đức	2,75			0,050	0,025				-	0,88	
41	Bùi Văn Hiền	2,50			0,100	-				-	1,00	
42	Cù Xuân Sỹ	1,25			0,050	-				-	0,50	
43	Lê Hồng Hải	1,25			0,050	-				-	0,50	
44	Trần Văn Liên	1,25			0,050	-				-	0,50	
45	Bùi Thị Long	3,75			0,150	-				-	1,50	
46	Nguyễn Văn Hùng Q	4,50			0,120	0,025				-	1,58	
47	Lê Văn Tuyền	2,25			0,050	-				0,05	0,88	
48	Đinh Thị Hồng	3,50			0,100	-				0,05	1,38	
49	Nguyễn Phương	1,00			-	-				0,05	0,38	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
50	Nguyễn Thị Việt	1,88			0,075						0,75	
51	Nguyễn Ka	1,88			0,075						0,75	
52	Nguyễn Thị Lục	1,88			0,075						0,75	
53	Trần Thị Minh	3,00				0,05					0,75	
54	Bùi Thắng	2,25			0,050	-				0,05	0,88	
55	Nguyễn Văn Hùng	5,00			0,100	0,025				0,05	1,75	
56	Phạm Duy Huy	3,75			0,050	0,025				0,05	1,25	
57	Hồ Thị Hoa	3,60				0,060					0,90	
58	Nguyễn Diên	1,00			-	-		-		0,05	0,38	
59	Lê Văn Sinh	2,75			0,05	0,03					0,88	
60	Lê Văn Quân	3,49			0,100	0,017					1,25	
61	Nguyễn Văn Hiệp	3,49			0,100	0,017					1,25	
62	Nguyễn Văn Hoàng	4,00			0,100	0,025					1,38	
63	Thái Công Sự	4,15			0,130	0,015					1,53	
64	Lê Văn Sơn	3,40			0,100	0,015					1,23	
65	Nguyễn Thanh Hà	1,25			0,050	-					0,50	
66	Dương Xuân Thương	3,40			0,100	0,015					1,23	
67	Hà Xuân thành	1,25			0,050	-					0,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
68	Nguyễn Thân	4,00			0,100	0,025					1,38	
69	Trần Ngọc Hiến	1,25			0,050	-					0,50	
70	Nguyễn Thị Cường (Ngô)	3,75			0,150	-					1,50	
71	Nguyễn Văn Tài	3,00				0,05					0,75	
72	Nguyễn Phi Khanh	1,88			0,075						0,75	
73	Trần Văn Tài	1,88			0,075						0,75	
74	Nguyễn Đình Sơn	3,00				0,05					0,75	
75	Phạm Duy Hiếu	3,00				0,05					0,75	
76	Đình Văn Luân	4,00			0,100	0,025					1,38	
77	Lê Văn Lợi	3,75			0,050	0,025				0,1	1,25	
78	Nguyễn Trí Thức	4,00			0,100	0,025					1,38	
79	Nguyễn Xuân Cừ	3,49			0,100	0,017					1,25	
80	Nguyễn Đình Châu	0,75				0,013					0,19	
81	Nguyễn Đình Xanh	1,88			0,075	-					0,75	
82	Nguyễn Văn Hải	2,00			0,050	0,013					0,69	
83	Nguyễn Hạnh	2,75			0,050	0,025					0,88	
84	Nguyễn Phúc	2,87			0,075	0,017					1,00	
85	Trần Thị Mai	4,00			0,100	0,025					1,38	
86	Lê Thị Hiền	1,25			0,050	-					0,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
87	Nguyễn Xuân Tiếp	4,00			0,10	0,03					1,38	
88	Nguyễn Văn Tuyển	4,50			0,12	0,03					1,58	
89	Nguyễn Ngọc Hạnh	4,00			0,10	0,03					1,38	
90	Phạm Công Khai	4,00			0,10	0,03					1,38	
91	Đặng Xuân Mỹ	2,75			0,05	0,03					0,88	
92	Nguyễn Thị Liên	3,00				0,05					0,75	
93	Nguyễn Văn Thận	1,88			0,075						0,75	
94	Nguyễn Văn Dương	3,00				0,05					0,75	
95	Đinh Vân Thường	3,00				0,05					0,75	
96	Phạm Duy Bình	4,63			0,13	0,03					1,63	
97	Lê Công Báo	2,75			0,05	0,03					0,88	
98	Lê Văn Hóa	4,75			0,13	0,03					1,68	
99	Lê Tuấn Anh	4,75			0,13	0,03					1,68	
100	Nguyễn Tương	4,00			0,10	0,03					1,38	
101	Nguyễn Văn Đồng	3,00				0,05					0,75	
102	Đinh Thị Lan	3,00				0,05					0,75	
103	Đào Thị An	3,00				0,05					0,75	
104	Nguyễn Văn Cừa	3,00				0,05					0,75	
105	Nguyễn Xuân Trường	3,00				0,05					0,75	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú	
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác					
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)			
106	Nguyễn Văn Lạc	3,00				0,05					0,75		
107	Nguyễn Trương Phi	2,75				0,05	0,03					0,88	
108	Phan Lâm	3,49				0,10	0,02					1,25	
109	Lê Văn Kiều	4,75				0,13	0,03					1,68	
110	Lê Hiếu	4,00				0,10	0,03					1,38	
111	Bùi Thường	4,65				0,15	0,02					1,73	
112	Bùi Hành	4,95				0,15	0,02					1,80	
113	Nguyễn Văn Việt	4,75				0,13	0,03					1,68	
114	Thái Văn Hành	2,87				0,075	0,02					1,00	
115	Nguyễn Tiến Dũng	4,00				0,10	0,03					1,38	
116	Nguyễn Đình Tương	4,00				0,10	0,03					1,38	
117	Phạm Hành	3,38				0,075	0,03					1,13	
118	Nguyễn Thị Yến	3,00					0,05					0,75	
119	Bùi Trọng Thê	3,00					0,05					0,75	
120	Phạm Công Danh	3,00					0,05					0,75	
121	Nguyễn Thị Tâm	3,00					0,05					0,75	
122	Nguyễn Mạnh Hà	1,88				0,075						0,75	
123	Nguyễn Thị Sen	3,00					0,05					0,75	
124	Nguyễn Thị Thìn	3,00					0,05					0,75	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
125	Nguyễn Thị Hoa	3,00				0,05					0,75	
126	Lê Thị Hoa	3,00				0,05					0,75	
127	Phạm Thị Thu	1,88			0,075						0,75	
128	Lê Văn Hóa	3,00				0,05					0,75	
129	Nguyễn Thị Kỳ	3,00				0,05					0,75	
130	Nguyễn Thị Lý	3,00				0,05					0,75	
131	Tổng Trần Kỳ	3,00				0,05					0,75	
132	Nguyễn Hữu Lâm	3,00				0,05					0,75	
133	Thái Xuân Tiến	1,25			0,05						0,5	
134	Nguyễn Bình	3,00				0,05					0,75	
Thôn Bảo Thượng		144,110	0,000	1,050	6,418	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	70,480	
1	Đình Trần Hồ	1,00			0,050						0,500	
2	Nguyễn Thị Mai	1,00			0,050						0,500	
3	Thái Văn Hải	1,50			0,075						0,750	
4	Hoàng Văn Tín	1,50			0,075						0,750	
5	Hoàng Văn Đức	1,00			0,050						0,500	
6	Nguyễn Văn Dinh	2,50			0,125						1,250	
7	Đình Nhật Lệ	3,50			0,175						1,750	
8	Cao Văn Giáp	0,66			0,033						0,330	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
9	Nguyễn Quốc Hùng	1,00			0,050						0,500	
10	Cao Thị Hà	1,30			0,065						0,650	
11	Hồ Thanh Bình	1,50			0,075						0,750	
12	Nguyễn Đình Trương	3,50			0,175						1,750	
13	Lê Hữu Dũng	3,75		0,050	0,150						1,800	
14	Hà Ngọc Thảo	2,00			0,100						1,000	
15	Nguyễn Thương Lạc	2,00			0,100						1,000	
16	Nguyễn Trung Hậu	2,00			0,100						1,000	
17	Nguyễn Lâm Hoàn	2,00			0,1						1,000	
18	Đinh Nhật Nghệ	3,00			0,150						1,500	
19	Nguyễn Văn Dũng	1,00			0,050						0,500	
20	Thái Văn Đức	1,00			0,050						0,500	
21	Nguyễn Thế Anh	2,00			0,100						1,000	
22	Thái Văn Tình	2,00			0,100						1,000	
23	Nguyễn Tiến Hành	2,00			0,100						1,000	
24	Trần Văn Tuyển	2,00			0,100						1,000	
25	Nguyễn Oanh	1,00			0,050						0,500	
26	Hồ Văn Linh	1,50			0,075						0,750	
27	Nguyễn Văn Thê	1,00			0,050						0,500	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
28	Nguyễn Tào	1,00			0,050						0,500	
29	Đình Nho Long	1,75		0,050	0,050						0,800	
30	Thái Văn Tường	2,00			0,100						1,000	
31	Dương Văn Hồng	2,00			0,100						1,000	
32	Thái Văn Linh	2,00			0,100						1,000	
33	Thái Văn Đường	2,50			0,125						1,250	
34	Cao Thị Minh	1,00			0,050						0,500	
35	Tổng Trần Trọng	1,00			0,050						0,500	
36	Bùi Trọng Đài	2,00			0,100						1,000	
37	Đình Nho Chiến	1,00			0,050						0,500	
38	Dương Văn Lam	2,00			0,100						1,000	
39	Nguyễn Thế Tài	2,00			0,100						1,000	
40	Cao Văn Hợi	2,00			0,100						1,000	
41	Đình Nho Xin	3,00			0,150						1,500	
42	Nguyễn Văn Lương	2,00			0,100						1,000	
43	Đình Trần Hùng	3,00			0,150						1,500	
44	Nguyễn Văn Tâm	2,00			0,100						1,000	
45	Trần Cao Thế	1,50			0,075						0,750	
46	Thái Thị Bình	1,00			0,050						0,500	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
47	Đình Văn Thọ	4,00			0,200						2,000	
48	Cao Đình Sỹ	2,00			0,100						1,000	
49	Cao Xuân Trần	3,00			0,150						1,500	
50	Đình Văn Quê	2,00			0,100						1,000	
51	Đình Nho Tiến	2,40			0,120						1,200	
52	Nguyễn Văn Nga	1,50			0,075						0,750	
53	Từ Hữu Luân	1,50			0,075						0,750	
54	Cao Xuân Bình	1,50			0,075						0,750	
55	Đình Trần Dụng	4,00			0,200						2,000	
56	Nguyễn Nhật	1,00			0,050						0,500	
57	Trần Văn Phú	2,00			0,100						1,000	
58	Trần Thanh Tuyên	1,00			0,050						0,500	
59	Tổng Trường Giang	1,50			0,075						0,750	
60	Phạm Thị Hương	0,50			0,025						0,250	
61	Đình Nho Đồng	2,50		0,100	0,050						1,100	
62	Nguyễn Văn Ngọ	2,50			0,125						1,250	
63	Nguyễn Thị Huế	2,00			0,100						1,000	
64	Thái Hóa	1,00			0,050						0,500	
65	Hoàng Văn Hường	2,00			0,100						1,000	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
66	Thái Văn Tình	2,00			0,100						1,000	
67	Đình Văn Trường	2,00			0,100						1,000	
68	Đình Văn Sơn	2,00			0,100						1,000	
69	Lương Văn Danh	2,50			0,125						1,250	
70	Hoàng Công Chất	2,00			0,100						1,000	
71	Hoàng Thị Lương	1,13		0,075							0,45	
72	Nguyễn Minh Hoàng	1,50		0,100							0,60	
73	Nguyễn Văn Đức	1,13		0,075							0,45	
74	Hà Ngọc Thắng	0,75		0,050							0,30	
75	Tổng Thị Sơn	1,13		0,075							0,45	
76	Nguyễn Thị Huệ	0,75		0,050							0,30	
77	Nguyễn Văn Huân	1,13		0,075							0,45	
78	Nguyễn Thị Lan	1,13		0,075							0,45	
79	Nguyễn Thị Hằng	0,75		0,050							0,30	
80	Tổng Trần Ngọc	1,13		0,075							0,45	
81	Trần Hữu Cơ	1,13		0,075							0,45	
82	Hồ Thị Chinh	1,13		0,075							0,45	
Thôn Sông Con		445,00	-	7,97	9,56	3,05	-	-	-	2,15	205,92	
1	Hà Văn Thắng	7,15		0,200	0,070	0,025				0,100	3,03	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
2	Đinh Thị Hương	6,00		0,100	0,050	0,050				0,100	2,60	
3	Đinh Sỹ Tuấn	6,15		0,175		0,038				0,050	2,69	
4	Trần Đình Dương	5,65		0,050	0,120	0,050				0,050	2,63	
5	Phùng Ngọc Thạch	5,60		0,150	0,130	0,025					2,58	
6	Nguyễn Văn Mạo	3,30		0,050	0,040	0,025				0,050	1,45	
7	Trần Ngọc Cường	3,25		0,050	0,050	0,050					1,55	
8	Nguyễn Đình Tiến	2,75		0,050	0,100	-					1,30	
9	Phan Đắc Phi	4,95		0,150	0,135	-					2,25	
10	Phan Đắc Báo	2,25		0,100		0,025					0,98	
11	Kiều Thị Trâm	11,15		0,250	0,220	-				0,150	4,83	
12	Lê Hữu Đạt	10,30		0,320		0,050				0,200	4,17	
13	Lê Văn Hậu	3,25		0,100		0,025				0,050	1,35	
14	Nguyễn Văn Quỳnh	2,25		0,050		0,050					1,05	
15	Trần Văn Nhật	4,40		0,200	0,070	-					1,90	
16	Lê Thị Hạnh	6,50		0,200		0,050				0,100	2,70	
17	Hà Huy Hào	3,10		0,100	0,080	-					1,40	
18	Nguyễn Thị Lệ	0,75		0,050		-					0,30	
19	Trần Đình Giảng (Thủy)	3,15		0,050		0,080					1,50	
20	Đào Thị Chính	1,50		0,100		-					0,60	
21	Nguyễn Thị Trang	2,25		0,150		-					0,90	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
22	Lê Thị Hà	5,25		0,100	0,150	0,025					2,48	
23	Bùi Minh Tao	4,00		0,100		0,050				0,050	1,73	
24	Nguyễn Văn Lý	3,25		0,050		0,050				0,050	1,43	
25	Nguyễn Văn Sơn	2,90		0,100	0,070	-					1,30	
26	Trần Đình Thắng	3,50		0,100		-				0,100	1,35	
27	Hà Văn Quốc	3,50		0,100		-				0,100	1,35	
28	Hà Chính Quy	1,75		0,050		-				0,050	0,68	
29	Nguyễn Thị Khuyên	5,50		0,300		-				0,050	2,18	
30	Trần Quốc Học	1,65		0,050		0,030					0,75	
31	Nguyễn Thị Cừu	5,10		0,050	0,080	0,025				0,100	2,23	
32	Đinh Văn Tiến	6,35		0,150	0,080	0,050				0,050	2,83	
33	Đoàn Quang Chung	1,50		0,05		0,025					0,68	
34	Đào Thị Nguyệt	1,50		0,05		0,025					0,68	
35	Hà Khánh Thành	6,15		0,25	0,120	-					2,70	
36	Kiều Đình Khánh	3,00		0,15		0,025					1,28	
37	Nguyễn Đình Phương	5,75		0,15	0,050	0,050				0,050	2,53	
38	Trần Đình Hải	5,40		0,050	0,070	0,075				0,050	2,50	
39	Bùi Vĩnh Phúc	2,50		0,050	0,050	0,025					1,18	
40	Hoàng Thị Hoa	4,75		0,150		0,050				0,050	2,03	
41	Phạm Thị Linh	2,00		0,050		0,025				0,025	0,86	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
42	Phan Văn Trí	6,00		0,150		0,025				0,150	2,40	
43	Lê Xuân Côi	1,95		0,050		0,040					0,90	
44	Lê Văn Phi	2,50		0,050	0,050	0,025					1,18	
45	Đình Văn Phương	1,50		0,050		0,025					0,68	
46	Đoàn Quang Hợp	3,65		0,100	0,070	0,025					1,68	
47	Kiều Đình Thành	5,35		0,15	0,08	0,050					2,45	
48	Trần Thanh Tùng	1,65		0,05		0,030					0,75	
49	Trần Nam Trung	4,75		0,10	0,08	0,025				0,05	2,10	
50	Đình Quang Yên	6,00		0,30		0,050					2,55	
51	Trần Đình Lân	3,10		0,05	0,08	0,025					1,48	
52	Trần Phi Công	3,90		0,1	0,07	-				0,05	1,68	
53	Bùi Thị Hòa	3,25		0,025	0,1	0,013				0,025	1,53	
54	Đặng Quang Hào	1,50		0,05		0,025					0,68	
55	Đình Tiến Dũng	1,50		0,05		0,025					0,68	
56	Trần Khắc Minh	6,00		0,2	0,15	-					2,70	
57	Lê Xuân Trường	2,25		0,15		-					0,90	
58	Đình Sỹ Đồng	8,75		0,25	0,25	-					4,00	
59	Đặng Viết Đức	3,00		0,2		-					1,20	
60	Hà Văn Lợi	3,25		0,15	0,05	-					1,40	
61	Trần Đình Thanh	6,25		0,1	0,2	0,025					2,98	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
62	Đinh Văn Hòe	3,75		0,05	0,1	-				0,05	1,68	
63	Trần Quốc Hùng	3,25			0,05	0,075					1,63	
64	Phan Đắc Cung	6,65		0,1	0,07	0,025				0,15	2,80	
65	Phan Văn Bảo	3,75		0,05	0,1	-				0,05	1,68	
66	Trần Văn Tuấn	5,00		0,1	0,05	0,050				0,05	2,23	
67	Nguyễn Văn Luận	8,15		0,15	0,22	0,050					3,85	
68	Phan Hồng	3,50		0,05	0,1	0,025					1,68	
69	Hoàng Văn Nhuận	4,50		0,1	0,15	-					2,10	
70	Nguyễn Thị Anh	2,00			0,10						1,00	
71	Trần Đình Hà	3,00			0,15						1,50	
72	Nguyễn Thị Niên	2,00			0,10						1,00	
73	Lê Thị Hoa	2,00			0,10						1,00	
74	Hoàng Thị Hà	3,90			0,15	0,030					1,95	
75	Đinh Thị Kiều	1,90			0,05	0,030					0,95	
76	Phạm Thị Lan	1,50			0,08						0,75	
77	Nguyễn Đình Thuật	2,10			0,00	0,070					1,05	
78	Lê Thị Bình	0,50			0,025						0,25	
79	Nguyễn Chí Lan	3,50			0,18						1,75	
80	Lê Thị Đường	1,50			0,075						0,75	
81	Nguyễn Văn Anh	3,00			0,075	0,050					1,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
82	Phùng Văn Anh	1,50			0,075						0,75	
83	Cao Quyết Tiến	2,50			0,05	0,050					1,25	
84	Đào Xuân Thịnh	2,00			0,1						1,00	
85	Bùi Minh Tạo	2,50			0,125						1,25	
86	Nguyễn Văn Chinh	1,00			0,05						0,50	
87	Hoàng Văn Nam	1,50			0,075						0,75	
88	Nguyễn Văn Giang	2,80			0,14						1,40	
89	Đinh Văn Nga	2,00			0,1						1,00	
90	Đinh Thị Nga	4,00			0,2						2,00	
91	Đinh Quang Khai	2,00			0,1						1,00	
92	Trương Sỹ	4,00			0,2						2,00	
93	Trần Thị Khuyên	3,50			0,175						1,75	
94	Phạm Thị Hóa	2,00			0,1						1,00	
95	Nguyễn Thị Thủy	1,00			0,05						0,50	
96	Nguyễn Thị Sen	1,00			0,05						0,50	
97	Nguyễn Thị Hạch	4,00		0,100	0,125						1,85	
98	Phan Xuân Thành	2,00			0,1						1,00	
99	Hồ Thị Mai	1,00			0,05						0,50	
100	Trần Xuân Tình	2,50			0,125						1,25	
101	Nguyễn Văn Thành	5,00			0,25						2,50	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
102	Đinh Văn Huấn	6,00			0,3						3,00	
103	Đinh Văn Phiên	2,00			0,1						1,00	
104	Phùng Văn Thủy	2,00			0,1						1,00	
105	Phùng Văn Sơn	1,00			0,05						0,50	
106	Hoàng Văn Tịnh	1,00			0,05						0,50	
107	Hà Sơn Hải	2,00			0,1						1,00	
108	Nguyễn Xuân Hoàng	2,00			0,1						1,00	
109	Đoàn Quang Hoà	2,00			0,1						1,00	
110	Cù Thị Vinh	2,00			0,1						1,00	
111	Lê Hữu Cường	1,00			0,05						0,50	
112	Nguyễn Văn Thịnh	1,50			0,075						0,75	
113	Đinh Nho Đề	1,70			0,025	0,040					0,85	
114	Nguyễn Thị Cảnh	1,00			0,05						0,50	
115	Nguyễn Mạnh Thường	1,50			0,075						0,75	
116	Đinh Xuân Anh	4,00			0,2						2,00	
117	Nguyễn Xuân Hiệu	4,00			0,2						2	
118	Hà Chí Thanh	1,80				0,060					0,9	
119	Trần Thị Năm	4,00			0,2						2	
120	Lê Đình Hoàng	3,00			0,15						1,5	
121	Nguyễn Văn Phong	2,00			0,1						1	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
122	Phùng Văn Sáng	2,00			0,1						1	
123	Nguyễn Đông Đức	2,10				0,070					1,05	
124	Đặng Thị Mùi	1,20				0,040					0,6	
125	Trần Thị Tinh	0,90				0,030					0,45	
126	Nguyễn Thị Giang	2,20			0,11						1,1	
127	Nguyễn Thị Xuân	2,20			0,11						1,1	
128	Trương Văn Thuận			0,1							0,6	
129	Trương Văn Thân	1,80				0,060					0,9	
130	Trương Văn Cảnh	1,80				0,060					0,9	
131	Nguyễn Thị Lục	1,50				0,050					0,75	
132	Nguyễn Đình Bã	0,90		0,06							0,36	
133	Trần Xuân Hùng	3,60		0,04		0,100					1,74	
134	Đinh Thị Vân	1,50				0,050					0,75	
135	Nguyễn Trường Giang	2,10				0,070					1,05	
136	Hà Chính Cam	1,00			0,05						0,5	
137	Nguyễn Đồng	1,20				0,040					0,6	
138	Nguyễn Thị Sâm	1,20				0,040					0,6	
139	Nguyễn Thị Cúc	1,20				0,040					0,6	
140	Đinh Quang Nhật	2,40				0,080					1,2	
141	Phan Dụng	1,20				0,040					0,6	

TT	Họ và tên	Giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30-70% diện tích				Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác			Diện tích lúa	Cây hàng năm khác				
			Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Sau trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
142	Nguyễn Văn Tân	1,20				0,040					0,6	
143	Nguyễn Thành Chung	1,20				0,040					0,6	
144	Võ Văn Thiết	2,40				0,080					1,2	
145	Bùi Xa Ky	2,40				0,080					1,2	
Tổng		3.328,117	5,123	31,789	43,435	29,462	30,422	2,769	2,025	11,928	1.378,960	